



越南文

TIẾNG VIỆT

Trang Phục Lô Hoắc

MỤC LỤC

370	Lời nói đầu
373	Dẫn nhập
375	Mũ nỉ tua rua đỏ
379	Bím tóc mười ba kiểu liễu bách
383	Hộp gau
387	Áo choàng da
393	Liền lửa
397	Ủng tam sắc

403	Mũ da cáo
409	Áo choàng nữ
415	Mũ triển
419	Ngọc quách
425	Áo choàng phổ lỗ
429	Móc treo sữa
433	Dây ném đá
437	Sát lặc
441	Trang phục múa cổ Châu Oa

Lời nói đầu

Trong dòng chảy lịch sử nhân loại, ngôn ngữ, ẩm thực và trang phục luôn là linh hồn của các nền văn hóa dân tộc khác nhau. Một khi những biểu tượng văn hóa này biến mất thì dù thuộc quốc gia nào, chúng cũng sẽ trở nên vô dụng. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của toàn cầu hóa, văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc đã trải qua những thay đổi to lớn trong một thời gian ngắn, thậm chí đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Văn hóa hiện đại ảnh hưởng khắp mọi nơi, tới cả những nơi hẻo lánh của Tây Tạng. Nhiều người Tây Tạng không thể cưỡng lại những cám dỗ chưa từng có này và dần dần từ bỏ lối sống truyền thống của mình và theo đuổi những thời trang thô tục và độc nhất. Kết quả là những truyền thống tốt đẹp đã bị lãng quên, văn hóa dân tộc trở nên không thể nhận biết được. Quần áo thời thơ ấu của chúng ta và phong tục của cha mẹ chúng ta sẽ biến mất chỉ sau vài thập kỷ, và những người già lưu giữ những ký ức cũng đang qua đời. Trước thực trạng đó, tôi vô cùng đau buồn, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, tôi quyết định đóng góp một phần nhỏ vào việc cứu vớt và bảo vệ văn hóa truyền thống bằng trang phục cổ truyền.

Trang phục của người Tây Tạng có các yếu tố phong phú và đầy màu sắc, màu sắc của chúng phản ánh thế giới tự nhiên: màu xanh lam tượng trưng cho bầu trời xanh và hồ nước, màu đỏ tượng trưng cho ngọn lửa, màu vàng tượng trưng cho trái đất, màu xanh lá cây tượng trưng cho đồng cỏ... Thiên nhiên mang đến cho con người những nguồn năng lượng khác nhau. Ngoài ra, thất bảo thường thấy trong trang sức của người Tây Tạng như vàng, bạc, san hô, mã não và hổ phách không chỉ có tác dụng trang trí mà còn được cho là có sức mạnh xua đuổi tà ma, bảo vệ cơ thể, và duy trì sức khỏe.

Môi trường tự nhiên của Tây Tạng cũng có tác động sâu sắc đến trang phục của các vùng miền khác nhau. Ở những vùng chăn thả trên cao, người dân chủ yếu mặc áo choàng da dày; ở những vùng bán nông nghiệp và bán chăn thả, chất liệu quần áo chủ yếu là len Tây Tạng và các chất liệu khác; ở những vùng nông nghiệp vùng thấp, quần áo chủ yếu

làm bằng vải nhẹ. Có thể thấy, trang phục không chỉ là hiện thân của văn hóa mà còn là sự kết tinh trí tuệ của con người trong việc thích nghi với môi trường sống.

Ngoài ra, tổ tiên từng nói rằng trang phục Tây Tạng là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm - Tùng Tán Cán Bố, hóa thân của Bồ Tát Văn Thù - Xích Tùng Đức Tán, hóa thân của Bồ Tát Kim Cang Thủ - Xích Nhiệt Ba Kiên và các thế hệ Tán phổ¹, cũng như các Bồ đề tát đỏa đại thành tựu như Liên Hoa Sinh Đại sĩ, Bồ Mã Mạc Trát gia trì và truyền thừa xuống các đời. Mặc trang phục dân tộc thuần khiết này không chỉ có thể xua tan cái lạnh, giữ ấm cơ thể và trang trọng mà còn mang theo sự phù hộ thiêng liêng của Bồ tát.

Để bảo vệ và kế thừa văn hóa trang phục Tây Tạng, vào tháng 1 năm 2018, tôi đã thành lập Bảo tàng Văn hóa trang phục Tây Tạng Đức Đạt, đầu tư rất nhiều nhân lực, vật lực và tài chính, đồng thời cử người đến Kham, Amdo, Ü-Tsang và những nơi khác nhiều lần để sưu tầm trang phục cổ của người Tây Tạng, phỏng vấn những người lớn tuổi địa phương, tìm hiểu về quy trình sản xuất, phân loại chất liệu và nguồn gốc lịch sử của những bộ trang phục này, đồng thời trưng bày và bảo tồn các di tích văn hóa được sưu tầm.

Tuy nhiên, thu thập trang phục chỉ là bước đầu tiên. Nếu những tài liệu liên quan không được biên soạn thành tài liệu thì những di sản văn hóa quý giá này sau này khó được phổ biến rộng rãi. Sau khi điều tra, tôi thấy rằng hầu hết các nghiên cứu trong và ngoài nước về trang phục Tây Tạng đều chỉ giới hạn ở một khu vực nhất định và thiếu nghiên cứu toàn diện về trang phục Tây Tạng nói chung. Vì vậy, vào tháng 9 năm 2020, Viện Nghiên cứu trang phục vùng cao nguyên được thành lập để nghiên cứu một cách có hệ thống tất cả các trang phục của người Tây Tạng và chuẩn bị biên tập một loạt sách.

1 Các đời vua của Tây Tạng được gọi là tán phổ.

Chúng tôi dự định xuất bản một cuốn sách hàng năm để giới thiệu trang phục Tây Tạng ở các vùng khác nhau - bắt đầu từ quê hương của tôi, Lô Hoắc, và dần dần phủ sóng toàn bộ khu vực Tây Tạng. Đồng thời, chúng tôi sẽ dịch nội dung của nó sang nhiều ngôn ngữ để quảng bá văn hóa Tây Tạng đến thế giới.

Trong quá trình biên tập, chúng tôi ghi lại một cách trung thực kỹ thuật sản xuất, bối cảnh, do các cụ già tường thuật lại, đảm bảo tính chặt chẽ của thông tin mà không cố tình thêm thắt hay phỏng đoán nhằm thu hút người xem. sau đó. Ngoài ra, đối với một số trang phục phổ biến của các vùng miền, chúng tôi sẽ lựa chọn trình bày dưới dạng trang phục đặc trưng của một vùng căn cứ vào tình hình thực tế và sẽ không nhắc lại nhiều lần trong sách viết về các vùng miền khác.

Đến nay, nghiên cứu của chúng tôi vẫn đang trong giai đoạn thăm dò, nhiều khía cạnh vẫn còn non nớt và thiếu chuyên nghiệp, điều này khó tránh khỏi khiến mọi người chê cười. Nhưng trong quá trình toàn cầu hóa nhanh chóng, nếu thế hệ chúng ta không nỗ lực hết mình để bảo vệ những di sản văn hóa này thì sau này ngày càng có ít người hiểu được.

Trang phục của người Tây Tạng không chỉ là một phần quan trọng của văn hóa Tây Tạng mà còn phản ánh sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Bảo vệ văn hóa Tây Tạng có nghĩa là bảo vệ sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Chúng tôi hy vọng rằng thông qua những nỗ lực của mình, sẽ có thêm nhiều người nhận ra nét quyến rũ độc đáo của văn hóa Tây Tạng. Cảm ơn tất cả những người đã ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi. Cuốn sách này có thể được ra đời là nhờ nỗ lực chung của mọi người.

Khenpo Sodargye

Ngày 4/6/2024

Dẫn nhập

Huyện Lô Hoắc nằm ở phía bắc khu tự trị Tây Tạng Cam T² tỉnh Tứ Xuyên, với tổng diện tích 5.796,64 km², có khí hậu gió mùa ôn đới lục địa lạnh cao nguyên và là vùng bán nông nghiệp và bán chăn thả điển hình. Ở đây nó không chỉ là nơi tập hợp nghệ thuật thangka và văn hóa dân ca, không khí văn hóa lâu đời nồng hậu còn sự chú trọng đến nghệ thuật kết hợp màu sắc và hoa văn tinh xảo, trang phục cũng là một phần quan trọng trong nền văn hóa phong phú của Lô Hoắc.

Cuốn sách “Trang phục Lô Hoắc” được biên soạn sau khi chúng tôi tìm hiểu và nghiên cứu toàn diện về trang phục truyền thống của Lô Hoắc. Cuốn sách chọn lọc một bộ trang phục truyền thống hoàn chỉnh với nghề thủ công lâu đời và ý nghĩa văn hóa sâu sắc, cũng như mười bốn món trang phục và phụ kiện. Tên, giới tính sử dụng, các dịp sử dụng, chức năng, chất liệu và kỹ thuật chế tác của những bộ trang phục này đều được trình bày chi tiết. Giải thích và sử dụng nhiều truyền thuyết, tục ngữ liên quan để hỗ trợ giá trị văn hóa của nó. Vì vậy, các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp có thể sử dụng nó làm tài liệu tham khảo và sinh viên cũng có thể sử dụng nó như một tài liệu đọc khoa học phổ biến.

Cũng như “trang phục là vật tổ lịch sử đeo trên người”, trang phục không chỉ thể hiện bản chất của nền văn minh vật chất mà còn mang ý nghĩa của nền văn minh tinh thần. Để khám phá kỹ càng nhất có thể về kỹ thuật thủ công ban đầu, ý nghĩa biểu tượng và chất liệu sản xuất của những bộ trang phục này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực địa tại chỗ liên tục hỏi ít nhất sáu người lớn tuổi về nội dung liên quan của từng bộ trang phục, ghi lại nội dung truyền miệng của họ, biên soạn và sắp xếp, cuối cùng đã được viết thành sách. Chính vì vậy mà toàn bộ nội dung trong sách đều được ghi lại một cách trung thực theo lời kể truyền miệng của những người lớn tuổi và không hề thêm thắt.

Mục đích xuất bản “Trang phục Lô Hoắc” lần này là để độc giả quan tâm hơn đến trang phục Lô Hoắc, từ đó tìm hiểu và khám phá sâu sắc ý nghĩa văn hóa của nó, đồng thời nhận ra rằng đây là một nền văn hóa quý giá như di sản trong nước. Ngoài ra, chúng tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến tất cả mọi người quan tâm và hỗ trợ công việc nghiên cứu này, cũng như những người già tốt bụng mà chúng tôi đã gặp trong các cuộc phỏng vấn. Nếu trong sách có chỗ nào chưa chính xác, mong mọi người góp ý và sửa chữa.

Viện nghiên cứu trang phục cao nguyên

Ngày 6/6/2024

MŨ NỈ TUA RUA ĐỎ





- | | | | | | | | | | | | |
|---|---------------|---|---------|---|------------|----|-----------------------|----|---------------|----|-----------------------|
| 1 | Mắt mũ | 2 | Đỉnh mũ | 3 | Tua rua đỏ | 4 | Cổ mũ | 5 | Nút kết tường | 6 | Thân mũ |
| 7 | Vòng ốc xà cừ | 8 | Vành mũ | 9 | Quai mũ | 10 | Lớp vải lót bên ngoài | 11 | Viên mũ | 12 | Lớp vải lót bên trong |



Mũ nỉ tua rua đỏ, còn gọi là mũ nỉ tua
đỏ, là loại mũ nam giới thuộc vùng Lô Hoắc
thường đội vào mùa hè, cũng là một loại trang phục nghi lễ.

Cấu tạo mũ gồm: Mất mũ, đỉnh mũ, tua đỏ, cổ mũ, nút kiết tường, thân mũ, vòng ốc, vành mũ, lớp vải lót bên ngoài, quai mũ, viền mũ.

Tổng thể mũ có hình nón cụt. Khi đội vành sau hướng lên trên, vành trước kéo dài ra phía trước để thoát nước khi trời mưa. Bề mặt thân mũ có lớp lót, phía trước chính giữa thêu hoa văn xoắn ốc xà cừ nối tiếp nhau. Phía trên phần ốc xà cừ thêu họa tiết nút kết kiết tường vòng xung quanh mũ.

Trên đỉnh mũ có phần cổ cao, tương truyền được thiết kế để giấu sừng trên đầu vua Lãng Đạt Mã. Mất mũ được may phía trên cổ mũ, xung quanh may một hàng dây tua rua màu đỏ rủ xuống đến phần vòng ốc xà cừ.

Viền mũ hẹp ở bên ngoài và rộng ở bên trong, thường được làm bằng vải màu đỏ hoặc màu đen. Nguyên liệu may mũ chủ yếu là vải nỉ làm từ lông tơ động vật hoặc lông cừu một năm tuổi. Mặt trong hoặc mặt sau của mũ được bọc một lớp vải đen, gọi là lớp lót.

Vải nỉ được tạo nên không qua quá trình dệt, mà được ép và cuộn ngay ngắn. Nỉ được người Tây Tạng sử dụng rất phổ biến, dùng để sản xuất nhiều vật dụng hàng ngày như quần áo, giày, áo mưa, đệm, chăn... Nỉ có lịch sử lâu đời, tính bền, mềm mịn, thân thiện với làn da, rất phù hợp với những nơi có khí hậu có nhiều biến đổi và địa hình phức tạp như cao nguyên; là vật liệu có giá trị thực tiễn to lớn trong đời sống. Miêu tả độ bền chắc của vải nỉ, người xưa có câu: “Dao cắt không đứt, móng cào không rách.”

Trong Tân Đường thư – Thổ Phồn thượng có chép, người Thổ Phồn “áo đều là vải mềm da thuộc”, có thể thấy truyền thống sử dụng vải nỉ làm quần áo đã có lịch sử lâu đời. Ngoài ra, dân gian còn rất nhiều tục ngữ, ngạn ngữ nói về chất liệu này. Một trong số đó có câu: “Buộc chặt dây mũ nỉ trắng, gió có to hơn nữa cũng chẳng thể bị thổi bay.” Trong quyển “Tục ngữ vùng Tô Bì-Tùng Ba” có nói “Người vợ vứt bỏ người chồng, giống như trên chiến trường mất đi một con chiến mã, hiền tử vứt bỏ người cha, giống như dưới trời mưa mất đi áo choàng nỉ.”; còn có câu “Tình yêu của người mẹ và tấm nỉ, cứng cỏi chịu đựng vạt vạt”. Hay như câu đố “Cha mặc áo da, con trai đội mũ nỉ trắng, con trai đánh cha, cha khóc ra tiếng” để hình dung việc đánh trống.

Mũ nỉ tua rua đỏ không chỉ có tác dụng thiết thực để che mưa che nắng mà còn mang ý nghĩa văn hóa sâu sắc. Đội chiếc mũ nỉ tua rua thể hiện rõ vẻ uy nghiêm của người đàn ông xứ Kham, đồng thời thể hiện sự khéo léo trong kỹ thuật sản xuất vải nỉ.

**BÍM TÓC
MƯỜI BA KIỂU
LIỄU BÁCH**



1 Tóc mái

2 Bím tóc

3 Tóc sau gáy

4 Bím tóc lớn

5 Vòng ngà voi

6 Trang sức
ngọn tóc

Bím tóc mười ba kiểu liễu bách, là một dạng kiểu tóc truyền thống của nam giới vùng Lô Hoắc. Nó bao gồm tóc mái, bím tóc, tóc phía sau gáy, bím tóc lớn, đuôi tóc, vòng ngà, phụ kiện đuôi tóc.

Bím tóc mười ba kiểu liễu bách được đặt tên theo số lượng và phương pháp tết tóc của chúng. Trong quá trình tết tóc, mười ba bím tóc nhỏ được tết thành một bím tóc lớn, tạo hình giống đường vân cây liễu bách. Đầu tiên, tách ba chùm tóc ở phía sau đầu. Mỗi chùm được làm từ mười ba bím tóc nhỏ mịn và tết thành bím phẳng hoặc bím tóc Sắc Mạc Vồng hình vuông. Phần tóc tách ra khỏi đỉnh đầu gọi là tóc sau gáy, phía dưới có hai bím tóc lớn nằm ngang. Sau khi tết phần cuối của mỗi bím tóc lớn thành bím kết hợp lại với nhau. Sau khi quấn đuôi tóc, người ta dùng các vòng ngà voi và nhấn kiểu yên ngựa để trang trí cho đuôi tóc tùy theo điều kiện. Phần đuôi tóc là những sợi tơ nhiều màu sắc được bện thành 4 bím và buông thõng xuống một cách tự nhiên. Phần tóc mái trên trán thường được cắt ngang tầm lông mày, người ta tin rằng tóc mái càng thẳng thì càng đẹp. Bím tóc dọc theo thái dương tách biệt với thái dương sẽ được nối bằng khuyên tai tròn lớn. Ngày xưa người ta còn có phong tục cạo cả hai tai và phần tóc sau gáy.

Trước đây, nam giới không thường xuyên tết tóc và kiểu tóc dài của họ được gọi là kiểu tóc phân chó (ཐི་སྒྲུག), kiểu tóc này không phải không chăm sóc mà là để nó tự do sinh trưởng. Họ trộn một nắm tóc cỡ bằng ngón tay với lông bò dzo hoặc lông bò yak, nhúng tay vào một ít sáp cây bách hoặc đường đỏ rồi xoa tóc nhiều lần cho xù và chặt. Sau đó để phần tóc đã hoàn thành buông tự do hoặc đơn giản là tết tóc lại với nhau và để buông xõa ra phía sau.

Khi đi, đứng, ngồi, nằm trong cuộc sống hàng ngày, dù có hay không có phụ kiện tóc, phần đuôi tóc xõa ra sau lưng, hoặc quấn quanh cổ như vòng cổ, hoặc xõa xuống ngực phải, hoặc được cuộn trên đầu. Trong số đó, khi đội lên đầu, nó

không chỉ có tác dụng làm gối, giữ ấm khi qua đêm nơi hoang dã mà còn bảo vệ đầu khi chiến đấu với kẻ thù bằng dao, giống như đôi bông tai tròn lớn rủ xuống, cũng có thể ngăn dao đâm vào đầu và cổ.

Trước đây, đàn ông địa phương sẽ thắt bím mười ba kiểu liểu bách quanh năm. Trong những dịp đặc biệt như ổi tang³, đám cưới, phần đuôi tóc sẽ được trang trí sang trọng hơn, còn những lúc bình thường sẽ đơn giản hơn. Tuy nhiên, thật đáng tiếc là do kết tinh trí tuệ của tổ tiên, bím tóc mười ba kiểu liểu bách hiện nay gần như biến mất ở vùng đồng quê Lô Hoắc, và nền văn hóa truyền thống này đang phải đối mặt với nguy cơ bị thất truyền.

Là kiểu tóc độc đáo dành cho nam giới ở vùng đồng quê Lô Hoắc, việc tết tóc và trang trí làm nổi bật giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật độc đáo của nó. Trong một giai đoạn lịch sử, kiểu tết tóc này không chỉ rất phổ biến mà còn có ý nghĩa văn hóa sâu sắc.

3 Là một nghi lễ đốt các cành cây bách cho khói bốc lên, là một nghi lễ tế các vị thần linh trời đất của người Tây Tạng

HỘP GAU





1 Bụng gau

2 Cửa chính

3 Vai gau

4 Hoa văn bát
kết tường

5 Hoa văn cỏ
xoăn

6 Hoa văn la hâu

7 Hộp gau

8 Vòng gau

9 Nắp gau

Hộp gau là một loại khám nhỏ thờ Phật có tính trang sức và có cả chức năng hộ mệnh, cả nam và nữ đều đeo được. Gau gồm các bộ phận bụng gau, cửa chính, thân gau, vòng gau, dây đeo, nắp gau.

Là một món đồ trang sức rất bắt mắt và vô cùng trân quý, bên trong hộp gau thường được an trí tượng Phật rất nhỏ hoặc tượng vị thượng sư, nút kết hộ thân, vật gia trì, viên cam lồ, cùng với các thánh vật như tro xá lợi, xá lợi, sợi tóc, mảnh y áo của các vị Phật sống và thượng sư. Bên ngoài có ren đính cườm, khắc hoa văn cổ xoắn, hoa văn đại bàng, hoa văn chày kim cương chữ thập, hoa văn bốn loại thú cát tường, hoa văn bánh xe pháp cát tường, hoa văn la hầu, hoa văn long nữ đại bàng, la hầu, voi lớn, sư tử và các đồ án cát tường khác.

Dây đeo hộp gau dành cho nữ thông thường được làm từ các vật liệu lục tủng thạch, san hô, thiên châu, trân châu, được làm tỉ mỉ tinh xảo; nam giới thường sử dụng nút thắt hộ thân dài lớn hoặc khăn khata. Vòng gau dùng để buộc gau với dây đeo. Nếu gau làm bằng bạc, phần viền cánh cửa gau được làm bằng vàng thì được gọi cửa khám vàng.

Ban đầu, gau có công dụng chính trừ chướng ngại, trừ tà, sau này công năng dần được chuyển biến thành hộ thân và trang sức. Theo sự phát triển của kinh tế, vật liệu chế tác gau cũng ngày càng phong phú, bao gồm vàng, bạc, đồng, gỗ...Trong đó hỗn hợp vàng bạc được cho là trân quý gọi với cái tên “gau vàng bạc.”

Căn cứ vào lớn bé, gau được chia làm các loại ba nhi nhĩ, gau nhỏ, gau hình tròn, gau hình quả thận, gau sáu cạnh, gau tám cạnh. Gau loại lớn thường do đàn ông đeo phía dưới nách trái, người bản địa gọi là “ba nhi nhĩ”, qua hình quả thận là vì hình dáng của nó giống quả thận nên gọi vậy, loại đó và loại sáu cạnh thường phía giữa gau san hô, phần viền được khảm tám viên lục tủng thạch, và được khảm sợi bạc hình cổ xoắn, phía cuống đáy chỉ có tác dụng trang trí, không có tác dụng sử dụng thực tế.

Kiểu dáng gau nam nữ đeo cũng không giống nhau, gau nam thông thường sử dụng thiết kế của Bảo khiếp môn phòng hoặc Thập tướng tự tại, có cửa hộp, thông qua đó có thể đặt các thánh vật thờ phụng vào bên trong, gau nữ thường chủ yếu hình tròn, không có cửa gau, thay vào đó khảm lục tủng thạch và san hô, ngoài ra có các hình dạng như loại tám

cạnh, sáu cạnh, hình tròn, hình thận, trong đó ba loại cuối thường được sử dụng nhất.

Trong cuộc sống hàng ngày, nam nữ hay đeo ở cổ một gau nhỏ đơn giản dùng để hộ thân, còn trong các ngày lễ tết hay trường hợp đặc biệt sẽ đeo hộp gau đẹp hơn. Nghe nói, ngày xưa người đàn ông ra ngoài buôn bán hoặc chinh chiến sẽ đeo loại gau cỡ lớn để cầu mong thuận lợi. Tuy nhiên, nếu đeo trực tiếp gau lên người sẽ bị cho rằng báng bổ tượng Phật, vì vậy thường phải được ngăn cách cơ thể với gau bằng một lớp y phục. Khi không đeo phải đặt gau vào trong tấm vải hoặc lụa bọc lại, đặt vào nơi thanh tịnh.

Trong dân ca, gau được gán cho rất nhiều ý nghĩa và hình tượng.

Ví dụ “Phía đông có một cái gau bạc trắng hình nhật nguyệt, muốn đeo nó lại thiếu mất cái sợi dây, đây chẳng phải không có duyên tiền kiếp, mà là do đời này thời cơ chưa tới”, “Trong chiếc gau bạc của tôi, có chứa ba cái nút thắt Tát ca; cái thứ nhất là thánh vật, cái thứ hai là trang sức, và cái thứ ba chính là bạn,” “Người con gái trẻ tuổi là chiếc gau bạc, người con trai trẻ tuổi là trang sức san hô, thử dùng san hô để trang sức cho gau bạc, xem rằng liệu có phù hợp chăng.”

Tóm lại, gau có lịch sử lâu đời, là một biểu tượng quan trọng văn hóa tín ngưỡng của tuyệt vực, thể hiện rõ tinh hoa thủ công mỹ nghệ và vị trí thẩm mỹ đặc biệt của người dân tộc Tạng.



A traditional Vietnamese leather robe (Áo Chàng Dá) is displayed against a black background. The robe is made of light brown leather and features intricate red embroidery in swirling patterns. A prominent red tassel with a grey and red striped band hangs from the waist. The robe is worn over dark trousers, which have a white fur trim along the side. The sleeves are wide and have a dark blue or black lining. The overall appearance is that of a historical or ceremonial garment.

ÁO CHÀNG DÁ



- | | | | | | |
|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 Cổ lông | 2 Viền phở lố | 3 Miếng vá vai | 4 Tay áo | 5 Tay trước | 6 May nách |
| 7 Vạt cổ ngoài | 8 Vạt cổ trong | 9 Viền da | 10 Miếng vá eo | 11 Tà áo ngoài | 12 Tà áo trong |
| 13 Viền đen | 14 Viền đỏ | 15 Góc tà | 16 Đường viền | | |



- | | | | | | |
|---------------------|--------------------|-----------------|--------------------------|--------------------|--------------------|
| 17 Lưng vai | 18 Miếng vai | 19 Da vá | 20 Miếng vá xương bả vai | 21 Hoa văn cổ xoắn | 22 Hoa văn cổ xoắn |
| 23 Hoa văn xùngr dê | 24 Hoa mấn mũi chó | 25 Góc che vai | 26 Tua rua | 27 Dây buộc | 28 Dây lưng |
| 29 Miếng vá sườn | 30 Miếng vá sườn | 31 Vật sau giữa | | | |



Áo choàng da là trang phục truyền thống được làm từ da cừu và các vật nuôi khác thông qua quá trình thuộc da và các quy trình gia công khác. Nó bao gồm cổ lông, vai, tay áo, dải thắt, cổ áo trong, cổ áo ngoài, tua rèm, tà áo trong, tà áo ngoài, tấm bỏ sườn, vạt áo sau, đường viền.

Kiểu dáng áo choàng da của nam và nữ hơi khác nhau, áo choàng da của nam rộng hơn của nữ. Các mép của thân áo choàng thường có đường viền (ཚན་ནག). Đường viền áo của nam giới thường chỉ được làm bằng vải màu đen, trong khi phần viền áo của phụ nữ được làm bằng vải đỏ chồng lên phần màu đen, và phần viền đen rộng hơn phần màu đỏ. Ngoài ra, ngoài viền đen, da hươu xạ và da động vật khác thường được dùng để bọc hoặc viền. Nếu không tìm được da động vật, cũng có thể thay thế bằng vải trắng. Tay áo sau của áo choàng được làm bằng da dày hơn và dài hơn một chút, trong khi tay áo trước mềm hơn và ngắn hơn một chút, do đó đường cắt theo một vòng cung nhất định phù hợp hơn với nhu cầu công thái học.

Khi may áo choàng, vai không đủ da nên phải dùng hai miếng da để vá lại. Đây gọi là vá vai.

Sau vai có một chiếc túi đeo vai được bọc bằng da hươu và các động vật khác, mép túi được trang trí

bằng các hoa văn như hoa văn sừng, hoa văn cỏ xoắn, hoa văn mũi chó.

Để thoáng khí, mặt sau của áo choàng được trang bị tua rua. Ngày xưa nó được làm bằng vải, nhưng bây giờ nó chủ yếu được làm bằng sợi tơ. Vạt khâm được làm từ da hươu xạ mềm mại.

Các dải da hươu được thêm vào phần thân trên của áo choàng để bảo vệ và trang trí. Chất liệu để làm áo choàng chủ yếu là da và lông cừu, thường được thu thập ở Tây Tạng từ tháng 7 đến tháng 9, khi đó chiều dài của len có thể quần gần hết ngón tay. Chiếc áo choàng lông lý tưởng là chiếc áo trong đó tất cả các loại len có chiều dài bằng nhau. Trong tiếng Tây Tạng, da cừu trên một tuổi được gọi là da cừu (ལྷག་ལྷག་སྟོན།), và da cừu dưới một tuổi được gọi là cao bì (da cừu non) (ཁོ་རྩ།).

Trong cuộc sống hàng ngày, những người chăn nuôi sử dụng nhiều kỹ thuật thuộc da khác nhau. Phương pháp phổ biến là chôn da cừu dưới đất ẩm để làm mềm, sau đó loại bỏ phần thịt còn sót lại trên da, sau đó bôi hỗn hợp gồm não gia súc thối và sữa chua hư và để yên một khoảng thời gian, rồi bắt đầu thuộc da. Dụng cụ được sử dụng trong thuộc da là dao gổ cạo da, còn được gọi là lược da. Sau khi thuộc da xong, da được rửa sạch bằng sữa bò nước cùng với sữa lên men, như vậy da sẽ sạch sẽ bóng loáng.

Trong dân ca có câu hát như thế này: “Tôi làm chiếc áo da từ bảy tấm da cừu, chờ người ý trung nhân. Chẳng nhìn thấy người ý trung nhân có áo viền cổ da báo, lòng tôi chẳng biết phải làm sao”. Bài hát này mô tả rằng ngày xưa cần bảy tấm da cừu để làm một chiếc áo choàng bằng da. Nay điều kiện sống cải thiện hơn, việc sử dụng tám hoặc chín chiếc áo choàng bằng da cừu là phổ biến. Mỗi tay áo và nếp gấp bên ngoài của áo choàng da đều được làm bằng hai miếng da. Vạt cổ trong, vạt cổ ngoài, vạt sau, tà áo trong đều được làm từ một miếng da cừu lớn, mép cổ áo thường được trang trí bằng da cừu non.

Về chất liệu da để làm áo choàng, trước đây những người có điều kiện gia đình khá sẽ chọn da cừu nguyên chất để làm áo choàng, còn những người thuộc gia đình nghèo hơn sẽ sử dụng da bê, da yak, da cừu, da dê và các chất liệu da khác để may thành từng miếng. cùng nhau làm áo choàng bằng da hoa. Nếu cần may áo dài mới nhưng điều kiện không cho

phép, người ta sẽ lựa chọn thay cổ áo và cổ tay áo cũ bằng áo mới, đồng thời thay những chỗ bị hư hỏng bằng da mới, giống như sửa một cái lều đen.

Vào thời cổ đại, tổ tiên người Tây Tạng đã sử dụng rộng rãi các sản phẩm da khác nhau, như bao da, áo khoác da, thuyền da, vali da, ủng da, dây da..., và kỹ năng xử lý và gia công da của họ rất lâu đời. Theo nghiên cứu di tích văn hóa có liên quan, quần áo bằng da động vật được khâu bằng kim xương đã được tìm thấy tại di tích văn hóa Ca Nhã cách đây 4300-5300 năm; “Tân Đường thư- Thổ Phồn thượng” chép rằng (Tùng Tán Cán Bố) “tự cởi bỏ nỉ len mặc lụa là”; Căn Đẳng Quần Bồi đã đề cập trong “Tri du liệt quốc mạn kí”, “Trước thời kì Nhiếp Nhật Tùng Tán, Tây Tạng hầu như không giao thương với thế giới bên ngoài. Kỹ thuật dệt may phát triển chậm và hầu hết người dân mặc áo choàng da. “Trụ gian sử” cũng mô tả lịch sử của những con yak hoang dã được thuần hóa thành vật nuôi. Từ những điều trên, không khó để nhận ra rằng tổ tiên của người Tây Tạng đã bắt đầu thuần hóa bò Tây Tạng từ rất sớm và sử dụng da của chúng để làm nhiều vật dụng cần thiết hàng ngày nhằm cải thiện điều kiện sống. Ngoài ra, câu tục ngữ “Tóc đen dựa vào bò đen, bò đen dựa vào cỏ xanh” cũng phản ánh sự chung sống hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Trong câu chuyện “Đường Đông Gia Ba không có tiền trả cho người chèo thuyền da khi qua sông nên bị người chèo thuyền mắng và đẩy xuống sông, và anh ta thề sẽ đi xây cầu” có ghi chép về thuyền da đã nói rõ về sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thuộc da vào thời điểm đó.

Áo choàng da không chỉ chống lạnh giữ ấm, phù hợp với khí hậu, môi trường sinh thái của cao nguyên, mà lịch sử lâu đời của kỹ thuật thuộc da đằng sau chúng còn thể hiện trí tuệ của người dân cao nguyên.

LIỀM LỬA





- | | | | |
|----------------|---------------------|-----------------|-------------------|
| ① Dây liềm lửa | ② Móc hình mặt trời | ③ Dây thắt lưng | ④ Vỏ bao liềm lửa |
| ⑤ Viên khảm | ⑥ Dao lửa | ⑦ Đá lửa | ⑧ Ngải nhung |

Liềm lửa là một dụng cụ đánh lửa được diễn biến thay đổi thành một loại trang sức của đàn ông. Nó được hình thành từ các bộ phận như dây liềm, móc hình mặt trời, dây thắt lưng, vỏ bao liềm lửa, viền khảm, dao lửa, đá lửa, ngải nhung.

Lưỡi lửa là một dụng cụ lấy lửa quan trọng. Không phải tất cả các loại sắt đều có thể làm thành lưỡi lửa, chỉ có loại thép có từ tính chất lượng cao mới có thể sinh ra lửa.

Vỏ bao liềm lửa ở phía trên lưỡi dao, dùng để đựng đá đánh lửa và ngải nhung. Thời kì sơ khai người ta sử dụng da bò yak chế tạo, không có khảm trang sức, ngày nay thường được khảm các loại đá quý như ngọc lam, san hô, thậm chí còn làm viền khảm bạc.

Dây liềm lửa làm từ sợi thừng da, có thể buộc ở bất kì chỗ nào quanh eo, ngược hướng với dây thắt lưng. Dây thắt lưng, dùng để buộc chặt liềm lửa. Khi sử dụng liềm lửa cần phải tháo dây thắt lưng ra, dùng móc hình mặt trời kéo nó dài ra, có thể giải quyết được chiều dài của dây liềm lửa.

Móc hình mặt trời có tác dụng điều chỉnh độ dài của dây liềm lửa, thông thường làm bằng sợi thừng bằng da hoặc bằng sừng. Đá lửa là loại đá có màu hồng trắng được lấy từ đá lửa hoặc nơi núi cao, cũng được gọi là “Cáp khiết”, không được sử dụng loại đá cuội trắng để thay thế được.

Ngải nhung là vật liệu chủ yếu để dẫn lửa, giống như tục ngữ thường nói: “Giữa dao và đá, không có ngải nhung chẳng thể cháy.” Thông thường ngải nhung được hái vào mùa thu, đem phơi khô, dùng gậy gỗ đập nhỏ ra, sau đó sàng sạch ngải nhung với tạp chất rồi cất đi sử dụng dần. Ngoài ra có thể cất phần đầu ngọn cây ngải cứu, sau đó phơi khô nghiền nhỏ thành ngải nhung. Thông thường, loại ngải thân thấp sinh trưởng ở nơi bình địa sau khi cất chế thành ngải nhung có thể trực tiếp sinh lửa, còn loại ngải sinh trưởng ở sườn núi nhiều nắng phải gia công xử lí, sau đó trộn thêm bột than được đốt từ thân cây đại hoàng và sơn lương đãng khô héo khi mùa đông, hoặc cho thêm nham tiêu, thỏ tiêu nấu thành, bởi vậy rất nhiều ngải nhung có màu đen.

Khi lấy lửa, tay trái cầm đá lửa có đặt ngải nhung lên trên, tay phải cầm chắc lưỡi lửa, ma sát vào nhau tạo ra các tia lửa, đốt cháy ngải nhung. Sau khi ngải nhung cháy sẽ được đốt cùng các vật dễ cháy như phân bò khô, vỏ cây bách, phân ngựa khô....., thổi hơi thường xuyên, sau cùng lửa sẽ bùng cháy mạnh. Cúng chính vì vậy, trong tập tục của nam nhân

ngày xưa khi ra khỏi nhà thường đem theo vỏ cây bách, phân bò khô. Liềm lửa là một dụng cụ lấy lửa không thể thiếu trong đời sống xưa, ví dụ khi dùng súng săn bắn cũng phải dùng liềm lửa để đốt cháy sợi dây dẫn lửa. Trong mỗi hộ gia đình, thường sẽ do người nam ra ngoài làm việc như buôn bán, săn bắt, cho nên liềm lửa trở thành vật bất li thân của nam giới, còn như nữ giới rất ít khi đem theo.



Đối với liềm lửa, có một số ví von như “Những tia lửa của liềm lửa như sao, sừng ngải nhưng như ngón tay cái, đá lửa trắng như mỡ dê.”, trong đó “Anh là con lửa có thể lửa tới bất kì đâu, em là chiếc liềm lửa có thể đặt ở bất kì đâu,” để miêu tả vận mệnh không giống nhau của con người. Ngoài ra, còn có câu “Những mảnh đá tròn, những mảnh sắt cứng, những mảnh nhung mềm, có đủ cả ba mới thành bữa ăn,” hay như câu “Bước trên con đường đá sắt, bước đi bước đi hoa cũng nở rồi” “Đứa con sắt được bọc trong bao da, đi về phía hòn đá tròn để hỏi về đạo lí” “Thân bẹt làm từ da voi, móng tròn làm bằng sắt cứng, lục phủ ngũ tạng làm từ cỏ, mười người tụ lại ắt lửa sinh”.

Với sự cải thiện của điều kiện sống của người dân, hầu hết đàn ông vẫn đeo trang sức liềm lửa, mặc dù ngày nay liềm lửa hiếm khi được sử dụng để đốt lửa. Họ dùng vàng, bạc và đá quý để trang trí liềm lửa, dùng da đỏ để làm thắt lưng liềm lửa và dùng thắt lưng bạc thay cho thắt lưng. Nhờ kỹ năng chạm khắc tinh xảo của những người thợ thủ công, liềm lửa đã trở thành một phụ kiện không thể thiếu trong thời trang. Không cần phân biệt trái phải khi đeo mà hầu hết mọi người đều treo ở hông phải.

Liềm lửa xuất phát từ dụng cụ thực dụng trong cuộc sống. Nó không chỉ những khảm vàng bạc, lục tủng thạch, san hô, thể hiện một loại trang sức sang trọng mà còn là kết tinh trí tuệ của người dân tộc Tạng, là một loại sản phẩm thủ công đặc biệt có giá trị văn hóa và thẩm mỹ phong phú.



ỦNG TAM SẮC



- | | | | | |
|-----------------|---------------------|--------------|--------------------|----------------------|
| ① Cổ ủng | ② Lớp lót bên trong | ③ Bắp trên | ④ Dải hình răng hổ | ⑤ Bắp dưới |
| ⑥ Lưng bàn chân | ⑦ Mũi ủng | ⑧ Lớp lót đế | ⑨ Mảnh vá yên ngựa | ⑩ Dải sống lưng ngựa |
| ⑪ Mũi ủng | ⑫ Đế ủng | ⑬ Dây ủng | | |

Ủng tam sắc là loại ủng truyền thống của người Tây Tạng thường được đàn ông vùng Lô Hoắc dùng trong mùa đông. Nó bao gồm cổ ủng, lớp lót bên trong, bắp trên, bắp dưới, dải răng hổ, lưng chân, nỉ lớp đế, mảnh vá yên ngựa, dải sống lưng, nỉ dải sống lưng, mũi ủng, đế ủng, dây ủng.

Ủng tam sắc chủ yếu được làm từ da bò Tây Tạng, trong đó, phần lưng bàn chân và phần bắp chân trên làm bằng da đen, bắp chân dưới làm bằng da đỏ. Mũi ủng nằm ở phía trước và sau phần cổ hơi nhô lên hướng vào trong. Phần tay cầm để mang ủng hoặc phần cổ ủng để buộc dây được làm bằng da hươu xạ. Bên trong của ủng được gọi là lớp lót, chất liệu có màu nâu trắng, hay còn gọi là “Nang mã” hoặc “Lan da nang mã”. Phần miệng phía trên mũi ủng được gọi là đường may hình yên ngựa phía trước, dưới đường may yên ngựa này có một lớp nỉ rộng ở phía trên và hẹp ở phía dưới gọi là dải nỉ sống lưng. Giữa các đường may yên ngựa phía trước có những đường chỉ lùa cầu vòng. Phía sau bắp trên được may một dải da đỏ hình răng chạy dọc như răng hổ gọi là dải răng lưng. Lớp nỉ ở mặt trong bàn chân gọi là “nỉ mu bàn chân ủng”. Phần đế sử dụng loại da cứng hơn một chút.

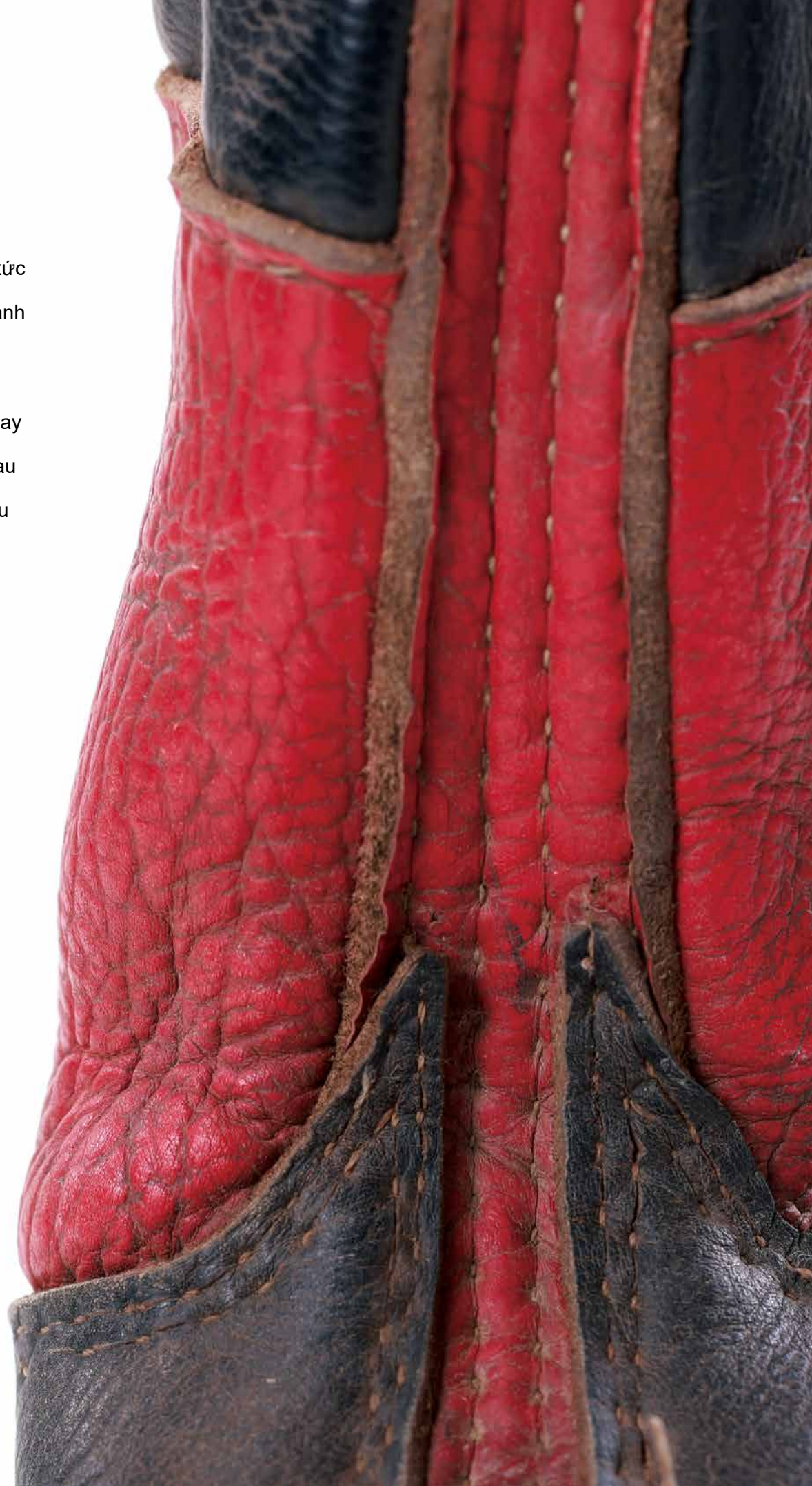
Dụng cụ để may ủng bao gồm: Dao kim dẹt được mài từ cây kim dài dày, dùi hai đầu nhọn, và chỉ khâu làm từ gân bò xoắn thành chỉ. Khi may ủng, trước tiên sẽ may nải nỉ phía trước và dải sống lưng, sau đó khâu từng phần từ mu bàn chân đến cổ



ủng, sau đó khâu mặt trong và cuối cùng là "mũi ngược", tức là khâu ngược mặt trong ra mặt ngoài. Sau khi hoàn thành các bước trên thì bắt đầu gắn đế ủng.

Khi gắn đế ủng, không khâu kim trực tiếp lên bề mặt da, thay vào đó, da cần được uốn cong lại sau khi khâu từ mặt sau để đảm bảo không để lộ mũi khâu ra ngoài, kĩ thuật khâu này được gọi là “Hạ đóa tây”. Sau khi khâu, đế ủng đẹp hơn, các đường may được ép bằng sừng hoặc “Nga cừu”, được gọi là máy ép đường may.

Trong hai ngày đầu tiên sau khi làm ủng, các nếp ủng sẽ được đặt bên trong ủng để định hình. Nếp ủng có được chia thành nếp ngón chân, nếp gót giày và miếng đệm khe hở. Thông thường có một ít nếp nhăn ở mũi và gót giày là điều có thể chấp nhận được, nhưng nếu có nếp nhăn ở phía trên ủng thì đó được coi là kĩ thuật cắt ghép không đạt, như câu tục ngữ nói: “Hai bên nên căng như một sợi dây kéo dài.” Da chưa được thuộc hoàn toàn sẽ tương đối cứng, dùng để làm đế ủng rất bền, có thể đảm bảo sử dụng trong thời gian dài mà không bị mài mòn. Ngoại trừ đế ủng, các bộ





phận khác cần được làm bằng da mềm đã thuộc kĩ.

Khi đế ủng bị mòn, có hai phương pháp sửa chữa phổ biến, một là dùng dây da tết nhỏ để vá gọi là vá dây, hai là dùng miếng vá da tròn, gọi là vá da.

Hình dạng của mũi ủng thường được so sánh với núm vú của ngựa cái, hơi nhô lên và hướng vào trong. Thông thường đây chỉ là một kiểu trang trí hoặc quy ước và không có chức năng nào khác. Có truyền thuyết nói rằng: “Một bên mũi ủng giống như mũi của chủ nhân, một bên mũi kia giống như mũi của người thợ đóng ủng”. Người ta còn nói rằng: “Sau khi ủng ướt, thường dùng dao khắc hoa văn ở hai bên trái và phải của mũi ủng. Ngay cả sau khi ủng khô, hoa văn vẫn không biến mất và còn có thể dùng như vật trang trí”.

Ủng nữ giới thường được làm bằng da hươu xạ ở phần bắp chân trên và cổ ủng. Đường may yên ngựa nhỏ hơn so với ủng nam. Không có sự khác biệt ở các bộ phận khác. Dây giày được chia thành dây giày màu xám và dây giày cầu vồng dành cho người lớn. Dây ủng trẻ em sử dụng được gọi là “Tạp phả” (ဇာနည်) , được làm bằng nhung và lông của các loài gia súc. Trong số đó, đẹp nhất và được ưa chuộng nhất là dây giày cầu vồng, được dệt từ lông dê.

Sau khi lông dê được làm sạch, chải thô, kéo sợi, cuộn thành sợi tròn và buộc chặt ở giữa, nhuộm màu tương ứng theo yêu cầu, sấy khô và quấn quanh khung dệt, như vậy có thể bắt đầu dệt dây buộc ủng. Những người du mục thường đóng một chiếc cọc gỗ trên mặt đất và buộc một đầu vào cọc gỗ, đầu kia vào thắt lưng của họ. Phương pháp này được họ gọi là dệt thắt lưng. Dây buộc ủng làm theo phương pháp này vừa mỏng vừa đẹp, lại có tua rua ở hai bên. Người nông dân không sử dụng phương pháp dệt thắt lưng mà dệt trên máy dệt thoi. Buổi tối trước khi đi ngủ, họ xỏ dây ủng vào bên trong ủng và đi ngủ. Vì vậy mới có câu đố: “Ruột của mỗi người đều ở trong cơ thể, nhưng hai anh em

lại dùng ruột bịt miệng của mình lại. Đến đêm, ruột sẽ được đưa vào cơ thể”.

Ngày nay, bột tam sắc được sử dụng vào cả mùa hè và đông cho những dịp trang trọng, khác với trước đây chỉ dùng vào mùa đông. Khi những con chim đỗ quyên gọi mùa xuân đến, mọi người ít sử dụng ủng hơn, vậy nên có câu nói đùa “lúc này ủng mất tiêu rồi”, vào mùa hè người ta có xu hướng đi bột mỏng hoặc chân trần.

Nếu ủng bị ẩm ướt, người ta bôi một ít bơ lên rồi phơi nắng cho khô. Nếu không phơi mà tiếp tục đi ủng ướt, bàn chân sẽ dễ dàng trượt sang trái và phải, có nguy cơ làm đứt các đường nối ở đế ủng. Tuy nhiên, phơi khô quá lâu có thể khiến ủng bị cứng, vì vậy cần cất đi ngay sau khi khô. Ủng Lô Hoắc cũng giống các loại ủng khác ở Tạng, không phân biệt giữa ủng bên trái và phải, tuy nhiên, để bền hơn và tránh bị biến dạng, chân trái và chân phải thường được đổi bên luân phiên cho nhau.

Ngoài ra, Tây Tạng còn có các kiểu ủng khác, chẳng hạn như ủng tam sắc có phần bấp chân trên và dưới làm bằng da đỏ, ủng làm từ túi da cũ, ủng da bê của trẻ em được làm từ da bê, phần bàn chân của bột được làm bằng da, các phần còn lại được khâu bằng vải nhung, và bột vải màu đỏ đen...

Ủng tam sắc Lô Hoắc không chỉ có giá trị thẩm mỹ và kĩ thuật độc đáo, mà còn là trang phục không thể thiếu và có giá trị đặc biệt đối với những người đàn ông du mục nhằm thích nghi với môi trường sống tự nhiên khắc nghiệt.



MŨ DA CÁO



- | | | | | | |
|------------|------------------|------------|-------------------|------------------------|----------|
| ① Mắt mũ | ② Thân mũ | ③ Vành mũ | ④ Dải mép trong | ⑤ Viền mũ | ⑥ Tai mũ |
| ⑦ Miệng mũ | ⑧ Lông trang trí | ⑨ Đệm viền | ⑩ Đường viền giữa | ⑪ Đường viền mép ngoài | |

Mũ da cáo là loại mũ thường được nam giới và phụ nữ ở vùng Lô Hoắc sử dụng vào mùa đông, được làm bằng da cáo. Mũ bao gồm mắt mũ, thân mũ, vành mũ, dải mép trong, viền mũ, tai mũ, miệng mũ và da cáo.

Trước đây, những người du mục thường săn cáo vào mùa thu đông. Họ sẽ nhét cỏ vào toàn bộ tấm da cáo rồi treo lên phơi khô, rồi tiếp tục chôn trong đất ẩm. Sau đó, dùng đá mịn và phân bò khô để loại bỏ thịt khỏi da. Tiếp theo, thoa hỗn hợp nạo bị biến chất và cặn bơ lên bề mặt da, nhào nặn đều tay. Trong quá trình nhào, không được dùng lực quá mạnh như thuộc da bò mà nên dùng đầu ngón tay để thuộc da một cách nhẹ nhàng. Thao tác này gọi là “thắc niết” (མཐེན་མཐེན།) . Người ta nói rằng da lông được nhào nặn trong hỗn hợp nạo phân hủy không chỉ mềm mà còn khó rụng. Nếu da đã thuộc mà lông bị rối hoặc còn sót dịch nạo thì cần rửa trong dung dịch thanh tương, sau đó lắ và phơi trong bóng râm của lều.

Da cáo cái đẹp hơn da cáo đực. Phần bên trái của cáo cái khi ngủ áp sát mặt đất, còn khi đi cũng chạm sát cây cối, phần lông cáo phía bên trái này được gọi là “Nạp nhi ngỗ”, ngược lại, phần lông ở phía bên phải cơ thể của cáo cái được coi là thượng phẩm.

Một bộ da cáo có thể làm ra hai chiếc mũ. Khi gia công, da được chia thành hai mảnh dọc theo giữa lưng, phần da lông hồng hào trên lưng cáo khâu ở chính giữa mặt trước của vành mũ. Phần bụng lốm đốm, rách và các bộ phận khác được khâu vào trong mũ. Các màu lông của cáo bao gồm đỏ, xám, trắng, đen,... trong đó mũ cáo đỏ là cao cấp nhất. Một số người so sánh lông cáo đỏ giống với ngọn lửa hoặc máu tươi. Sau khi khâu mũ, người ta sẽ khâu mũi cáo vào tua áo lông vì mũi cáo được coi là biểu tượng của sự giàu có, may mắn. Đôi khi chúng được treo trên cột của chiếc lều đen. Ngoài ra, đuôi cáo còn có thể làm thành khăn quàng cổ cho trẻ em.

Trước đây, mũ thường có chóp mũ nên phần trên chính giữa mắt mũ da cáo có chóp mũ là nút thắt bện, nhưng ngày nay chúng gần như tuyệt chủng. Mắt mũ được làm bằng vải và len màu đỏ, xanh lá cây, vàng, thường có từ ba đến bảy lớp.

Thân mũ được làm bằng vải và len, kích thước tùy theo chu vi đầu. Ngày nay, vải thổ cẩm thường được sử dụng để thay thế. Vành mũ được làm bằng dải len màu đỏ dài nửa mét, lớp lót và vành mũ được dán lại với nhau bằng hồ dán để viền mũ căng ra và chắc chắn. Theo điều kiện của gia đình, vành mũ có từ một đến ba đường viền thổ cẩm. Trước đây, phần miệng trên của mũ có dạng hình tam giác cao và nhỏ, xếp chồng len ở hai bên và sử dụng đường khâu cuộn. Tuy nhiên, phần miệng trên của mũ ngày nay nhìn chung là thấp và rộng. Độ mở của mũ da cáo quyết định độ vừa vặn và đẹp mắt của chiếc mũ. Trước đây, tai mũ ngắn hơn và hướng vào trong nhưng bây giờ chúng thường hướng ra ngoài. Dải bên trong chủ yếu dùng để may lông cáo trên vành mũ. Thông thường, áo choàng của người Tây Tạng có lớp lót bên trong sẽ được may bằng dải bên trong.

Vào mùa đông, cả nam và nữ đều đội mũ da cáo cả dịp trang trọng và thường ngày, tuy nhiên đội mũ lệch sang một bên bị coi là hành vi kiêu ngạo. Đối với những dịp trang trọng, đàn ông mặc cả bộ da lông cáo hình ống nguyên vẹn, chưa cắt bỏ đầu và tứ chi, được gọi là “hồ bì cô”. Hai chi treo ở thái dương và đuôi treo ở phía sau đầu. Vành mũ lông cáo đội ngày nay đã rộng ra nhưng “mũ da cáo tuy đẹp nhưng không ấm bằng ba lạc”. Mũ ba lạc là mũ không lộn vành. Phụ nữ còn đội các loại mũ da cừu, mũ xá lý, mũ mèo núi, sự khác biệt nằm ở chỗ chất liệu da khác nhau, về công nghệ thì tương đồng.

Thời kỳ đầu, do những hạn chế về môi trường sống và công nghệ dệt may, mũ da được sử dụng phổ biến rộng rãi ở các vùng Tây Tạng. Sau này, với sự tiến bộ của công nghệ sản xuất và thương mại, xuất hiện nhiều loại vải được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu từ nơi khác như vải nỉ, phổ lỗ, len, vải, sa tanh... có thể dùng để làm nhiều loại mũ khác nhau. Với nhận thức ngày càng cao về bảo vệ sinh thái, hiện nay người ta bắt đầu sử dụng da cừu nhân tạo thay vì da động vật.

Các tài liệu lịch sử Tây Tạng ghi lại rằng luật pháp thời Thổ Phồn quy định: “Nếu áo hổ không được dùng để khen thưởng các dũng sĩ thì con người sẽ không có động lực để trở thành anh hùng; Nếu hiền nhân không được tôn vinh xứng đáng thì người sau này sẽ không thể phân biệt được người hiền và người ngu; Việc tốt không được khen thưởng, sau này ai sẽ là người tốt? Nếu không dùng đuôi cáo để trừng phạt kẻ hèn nhát, làm sao có thể phân biệt được anh hùng và kẻ hèn

nhất?” Mặc dù mũ da cáo từng xuất hiện do quy định bắt buộc của các bộ luật nêu trên nhưng phải thừa nhận rằng nó có tác dụng giữ ấm, chống lạnh rất tốt nên được ưa chuộng rộng rãi ở các vùng Tây Tạng.

Có nhiều bản tình ca khác nhau về mũ da cáo được lưu truyền trong dân gian, chẳng hạn như “Khi chàng đi ra từ thung lũng, chỉ nhận ra chiếc mũ da cáo của chàng; mặc dù những người khác cũng có mũ da cáo, nhưng chiếc mũ của chàng trông đẹp nhất khi gió thổi”; “Xin Phật sống Ngõa Long ban phước cho chiếc mũ da cáo, xin thợ rèn Mông Cổ ban phước cho khẩu súng trên lưng và cầu xin Thần chiến tranh ban phước cho người đàn ông. Sau ba lời chúc phúc, chúng tôi lên đường.” “Đội mũ da cáo khi đốt lửa, nhưng chỉ quan tâm đến tóc bị cháy; mang ủng Mông Cổ leo lên đỉnh núi, mang ủng



cầu vòng chỉ để cạo đá.”; “Người chàng trai trẻ liễu lĩnh có ba suy nghĩ điên rồ: Thứ nhất, chiêm ngưỡng màu sắc đẹp
đẽ của chiếc mũ cáo, thứ hai, mơ về một khẩu súng trường dài, và thứ ba, tưởng tượng về các viên đạn, đây là ba suy
nghĩ điên rồ của một chàng trai trẻ.”; “Em yêu, anh sẽ không nhận nhầm em với ai khác, bởi vì em có một chiếc mũ lông
cáo có ba lớp nút thắt kết tường trên đầu”; “Con ngựa chân yếu bước chân nặng hơn đá, tôi không thích, chiếc mũ làm
bằng lông tơ cáo đen, tôi không thích; một cô gái mặt xanh cùng bầu bạn, tôi không thích...”

Ngoài ra, còn có những câu đố về sự kì quặc của chiếc mũ da cáo: “Tại sao người thắt bím thì cưỡi ngựa thì lạ, nhưng
cưỡi ngựa thì không lạ, tết bím dài để dọa ngựa cũng là lạ; tại sao đội mũ da cáo đốt lửa cũng lạ, nhưng đốt lửa sưởi
ấm lại không lạ, đốt lửa đốt mũ mới là lạ; người có ria mép uống sữa chua cũng lạ, uống sữa chua cũng không kì lạ, liếm
sữa chua là chuyện lạ.”

ÁO CHOÀNG NỈ





- | | | | |
|-------------------|------------|-----------------|---------------|
| ① Khăn choàng vai | ② Cổ | ③ Nút kết tường | ④ Dây thắt nỉ |
| ⑤ Viên | ⑥ Tà ngoài | ⑦ Tà trong | ⑧ Miếng nỉ |

Áo choàng nữ là một loại áo mưa chống nước, được may từ vải nữ ép từ lông cừu không dệt. Cấu tạo gồm: mũ, vai áo, cổ áo, kết kiết tường, khuy nữ, viền áo, vạt ngoài, vạt trong, viền nữ.

Thông thường áo có phần trên dày và mỏng dần về phía viền nữ.

Phần trên dùng ba lớp len lông cừu ép chặt, phần giữa là hai lớp và phần chân là một lớp. Thiết kế này giúp giảm áp lực lên vai khi áo bị ướt.

Viền cổ áo được may bằng vải màu xanh và màu đen. Ngực áo có đính khuy làm bằng sừng. Đệm khuy áo sẽ đẹp hơn nếu may bằng vải màu đỏ.

Tùy theo điều kiện gia đình, những gia đình khá giả và thợ lành nghề sẽ may thêm nút kiết tường lên vai áo, những gia đình không có điều kiện sẽ không may thêm nút kiết tường và viền áo.

Người dân địa phương cho rằng lông cừu mùa thu “da nữ” là chất liệu phù hợp nhất để sản xuất nữ. Đầu tiên chải đều và làm thành sợi, sau đó ghép ba đến bốn sợi với nhau, trải trên mặt cỏ phẳng và cố định bằng cọc ở mỗi góc. Tiếp theo rưới nước nữ ẩm lên các sợi len đã chải. Nếu trong lúc cán nữ mà trời đổ mưa, người ta có câu: “Người có phúc báo, nước nữ sẽ rơi từ trên trời xuống, họ cho rằng đây là một điều tốt lành. Sau đó buộc các sợi len và cuộn thảm nữ vào thanh cán rồi tiến hành cán. Trong khi cán nữ, người ta sẽ vừa cán vừa hát, chủ yếu là bài hát đếm số, cho đến khi nữ được thành hình.

Chất nữ tốt có đặc điểm mỏng nhưng mật độ sợi nữ dày đặc, có thể chắn gió chắn mưa, là chất liệu lí tưởng để may áo choàng nữ. Khi không có đủ “da nữ”, người ta trộn lẫn khoảng 2 cân “da nữ” và 1 cân loại lông cừu khác với nhau để gia công, nhưng cách làm này cho ra loại nữ chống nước không tốt bằng sử dụng hoàn toàn “da nữ” để gia công. Áo choàng nữ làm bằng “da nữ” sau khi giặt cho ra một màu trắng bóng, được gọi là gương nữ trắng.



Cán nỉ không phải không phải nghề mà hộ gia đình nào cũng làm được, thông thường thôn làng sẽ mời một người thợ lành nghề về để gia công. Nếu mật độ các sớ nỉ không dày đặc, độ dày mỏng phân bố không đều, người ta sẽ căng nỉ hướng lên trời cho ánh sáng chiếu xuyên qua để xác định những điểm mỏng, dùng than củi đánh dấu vào những điểm đó, sau đó cán thêm sớ len vào để độ dày được đồng đều. Phân chia theo độ tuổi và giới tính, áo choàng nỉ được chia thành áo nam, áo nữ và áo trẻ em; theo nhu cầu sử dụng, có thể phân chia thành áo mặc khi đi chăn gia súc và áo mặc khi cưỡi ngựa. Áo mặc khi cưỡi ngựa sẽ to hơn, có thể trùm hết cả bộ yên ngựa, kỵ sĩ, thương và giá cắm thương, do đó để làm ra áo cần dùng từ 3 đến 4 cân lông cừu. Áo khi mặc chăn gia súc chủ yếu chỉ để che phần nửa thân trên, do đó chỉ cần sử dụng khoảng 2 cân lông cừu. Về nguyên liệu và gia công, hai loại áo hầu như không có sự khác biệt, chỉ khác nhau về kích cỡ lớn nhỏ.

Dù là áo choàng nỉ hay áo choàng Tây Tạng, khi được buộc sau yên ngựa, cổ áo luôn phải hướng về phía bên trái của ngựa, phía ngược lại là cách buộc cho người đã khuất, không những được cho là không may mắn, mà còn bị vướng chân khi bước lên lưng ngựa.

Ngày xưa, phương tiện giao thông chủ yếu là ngựa, người cưỡi ngựa được trang bị yên ngựa, dây cương và mang theo thương. Khi phải qua đêm nơi hoang dã, chiếc áo choàng cưỡi ngựa giống như con công xòe đuôi có thể che được người, yên ngựa, đồ đạc. Nếu gặp tình thế nguy cấp như địch tấn công bất ngờ, có thể nhanh chóng dùng tay phải vung vạt áo ra phía ngoài để chắn và tạo cơ hội phản công.

Loại áo choàng nỉ được người phụ nữ mặc khi vắt sữa bò và chăn gia súc vào mùa hè được gọi là “cổn” (འགྲོ་མཁའ་) , hoàn toàn khác với loại áo cưỡi ngựa và chăn gia súc của nam giới. “Cổn” có kích cỡ nhỏ hơn, có thể trùm thẳng lên đầu giống như các loại áo mưa hiện nay. Thông thường khi mặc “cổn” vạt áo trong và vạt áo ngoài không may chồng lên nhau giúp tay dễ dàng cử động trong quá trình làm việc. Khuy áo ở ngực được làm từ nhiều loại chất liệu khác nhau như: len, sừng, nút thắt rỗng. Vạt áo dưới dài đến đầu gối, nên có thể chống mưa chống lạnh.

Khi mặc “cổn” không sử dụng thắt lưng, cũng không có tay áo, chỉ là khoác lên vai (གཡང་ཁམས།) , trông có vẻ rất dễ bị tuột ra khi cử động tay trong quá trình làm việc; nhưng “cổn” có phần mũ trùm lên đầu, rất khó bị rơi. Phần đỉnh mũ của “cổn” có những đường may thẳng đứng ở chính giữa là do mũ áo không được làm bằng chất liệu khác, mà được làm cùng với thân áo rồi sau đó mới may chúng lại với nhau. Như vậy, khi mặc “cổn” đi trời mưa, đường may trên mũ rất dễ bị bực đứt, cho nên phía ngoài mũ được may thêm một lớp vải cứng mỏng. Áo “cổn” sau khi đi mưa về thường được phơi trên dây lều màu đen hoặc mắc treo bằng gỗ trong lều. Vì “cổn” thường chỉ được mặc vào mùa mưa nên tuổi thọ của nó rất cao. Áo cũ có thể được dùng để đập thùng sữa lên men sữa chua.

Áo choàng nữ rất thiết thực trong đời sống người dân du mục, nữ có tính bền và chắc, dao cắt không đứt và giáo đâm không thủng. Trước đây, người dân nơi đây khi chăn thả gia súc, họ thường mặc áo choàng chăn nuôi, cầm dây thùng và đội mũ nữ, miệng hát những bài dân ca: “Niềm vui âm vang của Thạch Cừ”, “Kẻ say giấc A Huỳnh”, “Nút thắt Mông Cổ” và “Âm thanh của Gia Đắc”.

Một số câu tục ngữ đề cập đến áo choàng nữ như: “Nam nhân cần tập trung suy nghĩ, tấm nữ trắng phải trải phẳng để ghi chép”; “Đừng căng tấm nữ trắng hướng lên trời, đừng trải chiếc lều đen xuống đất, dù đá nhỏ đến đâu cũng có thể xây nên núi, và dù len mảnh đến mấy cũng có thể làm được nữ”.

Nữ là sự kết tinh trí tuệ của người dân du mục, nó không chỉ mang giá trị thiết thực trong cuộc sống hàng ngày để giữ ấm cơ thể, mà còn mạnh mẽ như áo giáp, khơi dậy chủ nghĩa anh hùng của người đàn ông và sự dịu dàng của phụ nữ ở vùng cao nguyên.

MŨ TRIỂN





① Đỉnh mũ

② Mắt mũ

③ Thân mũ

④ Vành mũ

⑤ Viền mũ

⑥ Lớp lót trong

⑦ Dây đeo mũ

Mũ triển là loại mũ truyền thống, được phụ nữ ở vùng Lô Hoắc thường đội vào mùa hè. Tên gọi của loại mũ này xuất phát từ đặc điểm khi đội vành mũ trải dài về mọi phía khi đội. Cấu tạo của mũ triển gồm: đỉnh mũ, mắt mũ, thân mũ, viền bao, lót trong, dây mũ.

Phần đỉnh mũ là một nút thắt rỗng được dệt bằng chỉ vải, dễ dàng mang theo. Người dân địa phương thường tin rằng những nút thắt rỗng được dệt bằng sợi vải phẳng sẽ đẹp hơn. Trong từ điển, đỉnh mũ được giải thích là “tượng trưng cho quyền lực và địa vị.” Như các trưởng lão nơi đây nói rằng : “Chiếc mũ phải có đỉnh, nếu không sẽ không được may mắn và tốt lành.” Dân gian còn lưu truyền câu tục ngữ: “Rỗng không thể không có đầu, mũ không thể không có đỉnh” hoặc “Khi vũ trụ hình thành, ban đầu bao quanh tứ phía là gió, trên gió có biển, trên biển có đất, trên đất có núi, trên núi có ngựa, trên lưng ngựa có yên, trên yên ngựa có người, người trên đầu đội mũ, trên mũ có đỉnh mũ.”

Ở Tây Tạng cũng có rất nhiều những câu đố tương tự như vậy. Trong truyền thuyết dân gian Tây Tạng cho rằng “đỉnh mũ là nơi linh hồn xuất ra khỏi cơ thể sau khi chết.” Ở đất Tây Tạng từ xưa, đỉnh mũ luôn được coi là một phần không thể thiếu của chiếc mũ.

Mắt mũ nằm phía trên thân mũ và dưới đỉnh mũ. Theo truyền thống, thân mũ được làm bằng cách dùng bảy lớp vải len hình tròn hoặc hình vuông nhiều màu sắc khác nhau xếp chồng và khâu lại với nhau. “Bảy” là con số cát tường, tượng trưng cho thất thánh tài, thất chi cúng, thất chính bảo...Ngày nay, người ta thường thấy mắt mũ được làm từ ba hoặc bốn lớp vải nhiều màu sắc.

Thân mũ được làm từ vải dày, kích thước của thân mũ phụ thuộc vào chu vi vòng đầu của người đội.

Lót trong dùng vải trắng.

Viền mũ dùng vải đen hoặc vải đỏ làm thành, bên trong hẹp bên ngoài rộng.

Quai mũ có tác dụng giữ mũ cố định và tránh bị thổi bay khi có gió hoặc khi cưỡi ngựa. Khi cỡi mũ để hành lễ với vị thượng sư và thiện tri thức, có thể kéo mũ ra sau, dây mũ có tác dụng giữ chiếc mũ ở phía sau, rất tiện lợi.

Vành mũ được làm bằng lông bò lai hoặc lông cừu một năm tuổi. Lông bò lai được gọi là “ngõa đặc” (ཁ་སྤུལ།) , trong khi lông cừu một năm tuổi được gọi là “Da ni”, được lấy từ những con cừu non sinh vào mùa thu. Kỹ thuật sản xuất hai loại nỉ này tương tự nhau: đầu tiên, sau khi chải mượt lông bò lai hoặc lông cừu một năm tuổi, trải đều chúng lên một tấm thảm nỉ; sau đó dùng cành liễu bách nhúng vào nước nỉ ấm vẩy lên trên bề mặt. Tiếp theo, quán tấm nỉ lên cây cán nỉ và bắt đầu cán. Tục ngữ có câu: “Thân nhất trong sự thân thiết, như thanh cán với nỉ”. Trong quá trình cán nỉ, người ta thường vừa cán vừa hát, hát đến một trăm lại hát lại từ đầu, cứ như thế lặp đi lặp lại. Đến khi cảm thấy vải nỉ được thành hình, thử mở ra kiểm tra; nếu vải vẫn chưa thành hình, phải tiếp tục vẩy nước và cán ép; nếu vải đã thành hình, gỡ lớp vải ra khỏi lớp thảm nỉ, và tiếp tục cán riêng tấm vải đó. Loại vải nỉ này có đặc điểm nổi bật là lớp vải mỏng nhưng mặt độ sọc nỉ trên vải dày đặc, không chỉ có tác dụng chống thấm nước, mà còn không dễ biến dạng, là lựa chọn hàng đầu để làm ra chiếc mũ triển.

Khi làm vành mũ, dùng vải nỉ lông cắt thành một hình tròn lớn theo kích thước của mũ, sau đó cắt một hình tròn nhỏ ở giữa hình trong lớn, tiếp theo may gắn với thân mũ, dùng một tấm vải may bọc lên bề mặt vành mũ, cuối cùng tạo thành chiếc mũ hoàn chỉnh.

Là một loại trang phục đặc trưng vào mùa hè của người phụ nữ vùng Lô Hoắc, chất liệu làm ra mũ triển rất phong phú; mặt mũ và đỉnh mũ không chỉ có tác dụng che mưa che nắng, mà chúng còn mang ý nghĩa văn hóa sâu sắc. Sự kết hợp nhiều màu sắc của mũ triển thể hiện sức hút của người phụ nữ Tây Tạng. Đa số người trẻ thường thích chọn những loại mũ có màu sắc sặc sỡ, tươi sáng; trong khi người lớn tuổi thường ưa chuộng những kiểu dáng đơn giản, nhẹ nhàng.

NGỌC QUÁCH





① Tóc sau gáy

② Bím tóc

③ Bím tóc thái
dương

④ Kẹp tóc

⑤ Bím tóc lớn

⑥ Buộc đuôi tóc

⑦ Vòng ngà voi

⑧ Trang sức đuôi
tóc

Ngọc quách là kiểu tóc tết truyền thống thường được phụ nữ ở vùng chăn thả Lô Hoắc. Nó bao gồm tóc phía sau đầu, bím tóc, bím tóc dọc thái dương, kẹp tóc, sợi bện, đuôi tóc, vòng ngà, hoa bạc, phụ kiện đuôi tóc...

Trước đây, phụ nữ ở vùng Lô Hoắc thường tết tóc. Đầu tiên, họ tết ba sợi tóc mịn thành bím. Bím tóc bắt đầu từ chân tóc, phần tóc mịn bên phải quay sang bên phải, phần tóc mịn bên trái rẽ sang trái. Sau đó, lấy một phần tóc trên đỉnh đầu và tết riêng thành phần tóc phía sau. Số lượng và kích thước của bím tóc phía sau đầu phụ thuộc vào số lượng tóc và độ dày của bím tóc. Phần đuôi của mỗi bím tóc được tết lại để tóc trông dài hơn. Sợi bện kết hợp thường được làm từ lông yak và lông cổ cừu đen, nhưng vì lông yak có màu hơi vàng nên hiếm khi được sử dụng. Người Tây Tạng tự gọi mình là “quốc gia tóc đen” vì sợi len đen của họ hài hòa với màu tóc của người Tây Tạng và được coi là chất liệu tốt nhất để đan sợi. Hiện nay, các sợi chỉ đen khác đã thay thế lông yak và len đen.

Tất cả bím tóc sẽ được chia thành hai chùm, buộc bằng những sợi tơ nhiều màu sắc và treo ra sau lưng. Tùy theo điều kiện gia đình, phần đuôi thường được kết hợp với một hoặc hai vòng ngà voi, cũng như các vật trang trí như hồ phách sáp ong, hoa bạc. Phần đuôi tóc sẽ được trang trí bằng những bím tóc mỏng nhiều màu sắc hoặc các phụ kiện tóc khác, chiều dài kéo dài đến tận váy. Ngoài ra sẽ có hai bím tóc



hai bên được tết ở hai bên tai và được trang trí bằng những chiếc kẹp tóc làm từ san hô và ngọc trai tùy theo điều kiện. Những chiếc kẹp tóc ban đầu chủ yếu được sử dụng để ngăn tóc rơi xuống mặt, nhưng sau đó được phát triển thành một vật trang trí.

Khi hóa trang, phụ nữ ở các khu vực mục vụ cũng sẽ tết một kiểu tóc truyền thống gọi là “Gia ca nhiệt ngĩa” (སྒྲུ་ཁ་རྒྱུ་ལྷ་མོ་). Ngoài trừ những phụ kiện tóc khác nhau, các khía cạnh khác đều giống như phương pháp tết tóc bằng ngọc nói trên.

Sau khi được tết cẩn thận, kiểu tóc này có hai búi tóc màu san hô và màu ngọc lam ở phía trước và ba búi ở phía sau. Ba viên ngọc lam và ba viên san hô được khảm theo chiều ngang dọc theo tóc mai để trang trí. Chúng được đặt trên bím tóc phía trên tai và buông thõng xuống vai. Bím tóc phía sau được chia thành hai chùm và cài lên hai phần tóc phía sau được trang trí bằng hồ phách sáp ong. Phần tóc sau đầu được trang trí bằng dải trùn tóc làm bằng hồ phách sáp ong và cành san hô tùy theo điều kiện gia đình. Hồ phách sáp ong sau đầu được làm từ hồ phách sáp ong và cành san hô chất lượng cao nhất và được dùng để trang trí cho tóc sau đầu. Ở những gia đình giàu có, hồ phách sáp ong sau đầu sẽ được trang trí bằng những cành san hô to bằng bàn tay của công chúa. Giờ đây nó đã dần phát triển thành đeo tám chiếc hồ phách sáp ong. Phần trùn tóc phía sau đầu rộng và dài, được trang trí bằng những đồ trang trí sang trọng, phía sau có tổng cộng ba chiếc trùn tóc được trang trí bằng hồ phách sáp ong.

Để tết một kiểu tóc như vậy đối với một người phụ nữ, phải mất một khoảng thời gian nhất định. Thông thường phải mời hai người phụ nữ hàng xóm giỏi tết tóc và phải mất nửa ngày mới hoàn thành. Trong quá trình tết tóc, để mỗi bím tóc mượt mà và gọn gàng hơn, người ta dùng một loại bơ gọi là “quả cách” (མཐོག་སྒྲུ་ལྷ་མོ་) để bôi lên tóc. Nó được làm từ hỗn hợp những miếng bơ nhỏ và lông yak được nhúng vào nước từ một chậu nhỏ, sau đó tết lại. Mọi người cùng nhau trò chuyện, cười đùa trong lúc tết tóc, tràn ngập niềm vui lao động.

Tóc tết hai kiểu này không chỉ đẹp mà còn có tác dụng như làm gọn gàng, chống rụng tóc, chống bụi bẩn. Tục ngữ có



câu: “Phần gốc bím gọn gàng như cây kim, phần đuôi bím gọn gàng như đuôi chuột, phần tóc sau đầu tròn như móng ngựa”. và tết tóc sau gáy là một phương pháp trang trí thẩm mỹ độc đáo. Trước đây, đàn ông địa phương thường nhập đá quý và các hàng hóa khác khi ra ngoài. Vì vậy, ngà voi, hổ phách sập ong, san hô... Rất được ưa chuộng và phụ kiện tóc của phụ nữ cũng xuất hiện để trang trí bằng những báu vật này.

Trong đời sống công việc hàng ngày, sau khi tết bím tóc tinh tế thành sợi bện, có thể đơn giản treo ra phía sau, hoặc có thể thêm đuôi tóc và vòng ngà. Khi trang điểm, các cô gái trẻ sẽ thắt bím tóc mỏng và đeo phụ kiện tóc, còn phụ nữ lớn tuổi sẽ thắt bím dày hơn. Khi gia đình có tang lễ, để tưởng nhớ người đã khuất, họ sẽ quyết định không tết tóc trong bao lâu tùy theo mối quan hệ gia đình.

Có rất nhiều câu tục ngữ về việc tết tóc, chẳng hạn như “Bện tóc bắt đầu từ việc tết tóc”, “Khi tết tóc thì nên bắt đầu từ gốc; khi phát biểu thì phải bàn từ đầu”, “Cô gái đàn độn tết tóc mỗi ngày, đàn ông đàn độn ngày ngày mua ngựa”.

Là kiểu tóc truyền thống dành cho phụ nữ ở vùng mục vụ Lô Hoắc, ngọc quách không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bắt nguồn từ phong tục và trải nghiệm sống mà còn giống như một tấm gương phản chiếu tấm lòng trong sáng và phẩm chất tinh tế của người phụ nữ.



ÁO CHOÀNG PHỔ LỒ



- | | | | | | | | | | | | |
|---|--------------|---|----------------|---|----------|----|-----------|----|---------------|----|--------------------|
| 1 | Cổ | 2 | Dải viền trong | 3 | Tay áo | 4 | Miệng tay | 5 | Nach | 6 | Miếng nhọn vá nách |
| 7 | Đệm dây thắt | 8 | Dây thắt | 9 | Tà ngoài | 10 | Tà trong | 11 | Miếng vá sườn | 12 | Miếng sườn |

Áo choàng phở lố là trang phục truyền thống phổ biến ở các khu vực Tây Tạng. Nguyên liệu thô chính của nó là len cừu. Nó bao gồm cổ áo, dải bên trong, tay áo, miếng đệm dây buộc, dây buộc, tà ngoài, tà trong, miếng vá sườn, miếng sườn...

Tà ngoài, tà trong và vạt sau thường là một mảnh phở lố nguyên khối. Để lộ độ cong khi đeo, mảnh sườn được may ở hai bên vạt ngoài và vạt trong. Tại các đường nối giữa vạt ngoài, vạt trong và vạt sau, những mảnh vải hình tam giác được vá lại, gọi là tấm vá sườn, đầu hướng lên trên, được gọi là “đắc quả mã” (མཛེལ་མགོ་མ) trong tiếng Tây Tạng. Người dân địa phương thường dùng vải xanh để khâu dải bên trong cổ áo và cổ tay áo, gọi là “gia nha” “đức linh” (ལྷགས་རིམ་རྒྱལ་ལེན།) vì họ tin rằng màu xanh lam có tác dụng bảo vệ mắt. làm cho sự kết hợp màu sắc đẹp hơn. Cái dải thắt là dây buộc, phần gốc của dải thắt sẽ được may một cái đệm, gọi là đệm dải thắt, có tác dụng bảo vệ thân áo. Đệm dải thắt ban đầu hình vuông, nhưng bây giờ có nhiều hình dáng khác nhau, người ngày xưa cho rằng đệm dải thắt càng lớn càng đẹp.

Áo choàng phở lố của nữ giới thường nhỏ hơn của nam giới. Để may một chiếc áo phở lố của phụ nữ cần khoảng hai tấm phở lố, trong khi nam giới cần khoảng ba tấm. Nách và tay áo phở lố nam giới rộng hơn và thường cần ba mảnh rưỡi đến bốn tấm phở lố ghép lại với nhau.

Theo tài liệu ghi chép, vào thế kỷ thứ 7 sau Công nguyên, để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và văn hóa của quốc gia mình, Tùng Tán Cán Bố vì để thúc đẩy kinh tế và phát triển văn hóa đã áp dụng các biện pháp mậu dịch và du nhập các kĩ thuật từ Ấn Độ và Hán địa, từ đó kĩ thuật dệt may của người dân tộc Tây Tạng tiến bộ vượt bậc, đến thế kỷ 14 công nguyên, kĩ thuật dệt may phở lố đạt tới đỉnh cao, người nông dân ngoại trừ những lúc nông vụ, các thời gian còn lại đều sử dụng máy móc dệt phở lố, dường như một nửa các hộ dân đều có máy dệt phở lố.

Phở lố là một loại vải len được làm thủ công bởi người Tây Tạng. Từ len cừu đến phở lố, nó phải trải qua một loạt quy trình như cắt, giặt, phơi khô, chải thô, xoắn, cuộn, dệt, nhuộm, thoát tẩy, phơi khô, phở lố có chất liệu mềm mại, mịn, dày và ấm, có nhiều loại, có thể làm thành quần áo, nệm, chăn ga, ủng, bang diển (tạp dề).



Theo chất lượng của len, chất lượng của phổ lỗ có thể được chia thành loại thượng hạng chưa cắt lông gọi là Tư mã, loại sau khi cắt lông gọi là Hệp mã, loại Tư ốc, Phổ lỗ, kinh mã, loại kém nhất là La ngổa.

Theo các kiểu dáng và màu sắc khác nhau, có thể được chia thành phổ lỗ hoa chữ thập khảm viền áo, miệng tay, phổ lỗ bang điển có màu sắc tươi sáng như cầu vồng, phổ lỗ màu đỏ dành cho các nghi thức quan trọng, phổ lỗ màu đen dành cho các phần tử tri thức, thương nhân, quan viên trong xã hội cũ, phổ lỗ màu vàng dành cho lĩnh vực tôn giáo, bách tính tự do sử dụng phổ lỗ màu trắng không nhuộm màu.

Chất lượng của phổ lỗ thường được đánh giá qua mật độ của các đường ngang dọc, và liệu nó có dễ phai màu hay không. Phổ lỗ chất lượng cao được chế tác tinh xảo có khoảng 100 sợi ngang dọc trong một khoảng lớn bằng ngón tay cái. Phổ lỗ chất lượng cao này gọi là “Thắc gia mã” (མཐེན་འགྲུ་མ།). Phổ lỗ không chỉ dễ dàng giữ ấm, chất lượng mềm mại, kĩ thuật dệt đỉnh cao, ngày nay trở thành một trong những lễ phục bắt buộc khi tham gia các nghi thức quan trọng.

**MÓC TREO
SỮA**





① Đệm dây

② Móc treo

Móc treo sữa là dụng cụ được người chăn thả dùng để treo dây xô đựng sữa vào thắt lưng khi vắt sữa. Nó bao gồm dây đai, miếng đệm dây đeo và móc treo.

Trong tiếng Tây Tạng, móc treo sữa có nhiều tên gọi khác nhau, như “Tú cáp”, “Tú long” , “Tú vinh” , nhưng ở vùng Lô Hoắc, người ta thường gọi với cách thứ nhất.

Lúc đầu, móc sữa chủ yếu được làm bằng gỗ và sừng động vật, hai đầu hơi cong lên trên, để mắc vào dây và buộc quanh eo. Với sự cải thiện về điều kiện vật chất, đồng, nhôm, sắt và các vật liệu khác bắt đầu được sử dụng để làm móc sữa, và dây đai được thay đổi từ dây buộc long bò yak nguyên bản sang miếng đệm dây đeo bằng da với nhiều màu sắc khác nhau, vừa thiết thực vừa trang trí. Chất liệu của móc treo sữa tiếp tục phát triển và thay đổi. Với sự cải tiến của công nghệ kim loại, người ta bắt đầu chạm khắc hoa văn trên những chiếc móc sữa bằng vàng và bạc quý giá và khảm chúng bằng các loại đá quý như ngọc lam, san hô, mã não... Những chiếc móc sữa này chủ yếu là các loại đá quý. dùng để trang trí.

Khi người chăn thả cần vắt sữa, nếu cầm thùng sữa khi vắt sữa, không chỉ tốn thời gian mà còn bất tiện; nếu họ không cầm thùng sữa mà để vắt vờng dưới bụng bò có thể bị bò đá đổ, lãng phí sữa. Vì vậy, dụng cụ treo xô sữa quanh eo ra đời. Cách đeo móc sữa của người dân địa phương là treo nó vào giữa bang đĩnh⁴. Ngày xưa, người chăn cừu mang theo chiếc móc ngực giống như một chiếc áo choàng của người Tây Tạng, ngay cả khi đi ngủ vào ban đêm, họ cũng đặt nó cùng với chiếc thắt lưng ở một nơi sạch sẽ cạnh gối và không để nó bất cẩn.

Ở các vùng chăn thả, do nam giới có nhu cầu ra ngoài săn bắn và làm ăn nên phụ nữ ở nhà đảm nhiệm các công việc gia đình như dọn phân bò, quay sợi, chăm sóc con cái, vắt sữa bò và làm các sản phẩm từ sữa. Vắt sữa bò thường là công việc của những người phụ nữ chăn thả gia súc nên móc sữa chỉ có phụ nữ đeo chứ không phải đàn ông.

4 Là cái tạp dề



Ngày nay, nhiều loại móc treo sữa đang thịnh hành, mỗi loại đều có những đặc điểm riêng về kiểu dáng, màu sắc, chất liệu, hình khắc, thiết kế, khảm... Ở các vùng chăn thả, móc treo sữa, đai bạc là của hồi môn quan trọng đối với người phụ nữ khi lấy chồng. Mỗi gia đình sẽ chuẩn bị trước những chiếc móc treo sữa phù hợp tùy theo tình hình tài chính của bản thân. Ngày nay, móc treo sữa không chỉ là vật trang trí cho người chăn thả mà người dân ở các vùng khác cũng bắt đầu đeo móc treo sữa.

Nói tóm lại, móc treo sữa đã phát triển từ một công cụ thiết thực ngày xưa thành một vật dụng trang trí ngày nay. Nó không chỉ mang từng chi tiết của đời sống mục vụ mà còn trở thành biểu tượng của văn hóa Tây Tạng, phản ánh vai trò quan trọng của người phụ nữ trong gia đình và xã hội.

DÂY NÉM ĐÁ





- | | | | | |
|---------------|----------------|--------------------|------------------|---------------|
| ① Vòng ném đá | ② Miếng ném đá | ③ Dây Sắc Mạc Vống | ④ Khê lưu cừu cổ | ⑤ Dây chính |
| ⑥ Đệm ném đá | ⑦ Dây phụ | ⑧ Bảo hộ | ⑨ Dây thừng hoa | ⑩ Lưỡi ném đá |

Dây ném đá là dụng cụ người dân du mục dùng để ném đá khi lừa gia súc. Cấu tạo gồm: vòng ném, tua rua, dây chính, đệm ném, dây phụ, bảo vệ dây, lưỡi ném.

Vòng ném là một vòng tròn nằm ở cuối sợi dây chính, khi ném ngón giữa xỏ vào vòng ném.

Đệm ném dùng để giữ cục đá, nên chất liệu phải cứng cáp; lớp trong thường được làm bằng nỉ, lớp ngoài được bọc bằng miếng da cũ như da hươu; được trang trí thêm bằng tua rua đỏ.

Lưỡi ném nằm ở đoạn cuối dây phụ, đa số được đan từ lông cừu. Khi ném đá hoặc khi dây vung mạnh qua đầu, lưỡi ném sẽ phát ra tiếng kêu ken két để tập hợp hoặc xua đuổi đàn gia súc.

Tua rua thường được nhuộm màu đỏ, vừa có tác dụng trang trí, vừa không làm tổn thương đến trâu bò khi ném đá.

Bảo vệ dây nằm ở cạnh miếng đệm ném của dây phụ và được quấn chặt bằng len lông bò Tây Tạng màu đen trắng. Chức năng của nó là giảm ma sát lên dây phụ khi ném, đồng thời họa tiết trắng đen còn làm tăng tính thẩm mỹ. Tuy nhiên ở vùng Lô Hoắc, có quan niệm cho rằng nếu sử dụng dây thuần màu đen làm bảo vệ dây có thể làm tổn thương đến chân và mắt của bò, do đó họ chỉ sử dụng sợi dây màu trắng. Đôi khi người ta còn dùng da hươu thay thế cho lông bò Tây Tạng để làm ra bảo vệ dây.

Khi đan dây ném đá, đầu tiên kết hợp hai loại lông bò trắng và đen đã được chải mượt đan thành sợi, sử dụng máy xoắn hoặc con thoi, sau đó bắt đầu quấn thành cuộn. Khi chính thức bắt tay vào đan dây, người ta dùng đinh cố định một cọc gỗ trên trên mặt đất, buộc một đầu dây vào cọc gỗ và bắt đầu đan từ lưỡi ném ở đầu sợi dây phụ, giúp tạo thành phần tua rua ở cuối sợi dây chính..

Có rất nhiều cách tết dây ném đá, trong đó tết bốn, tết tám, tết sắc mạc vông, tết dây hoa, tết khê lưu cừu cổ, Trong số đó “sắc mạc vông” sử dụng hai sợi yak đen và trắng để tạo thành một đồ án thảng; “Dây hoa” sử dụng bốn sợi đen trắng để tạo thành một hình hoa văn; “Khê lưu cừu cổ” dùng tám sợi dây trắng đen tết thành, tạo thành hình như dòng sông uốn lượn nên gọi như vậy. Nghe nói dùng dây ném đá khê lưu cừu cổ sẽ không làm tổn thương tới mắt và chân của trâu bò. Thông thường, người bản địa sử dụng dây chính ném đá chủ yếu dùng sắc mạc vông, khê lưu cừu cổ, dây phụ sẽ dùng loại dây hoa.



Cách ném đá bằng dây là xỏ ngón giữa bàn tay phải vào vòng dây, ngón cái và ngón trỏ giữ chắc lưới ném, sau đó tay trái đặt hòn đá lên đệm ném. Sau khi đá được đặt vào đệm ném, vung mạnh dây qua đầu vài vòng, nhắm vào mục tiêu rồi thả lưới ném ra.

Theo nhu cầu sử dụng mà dây ném có thể phân thành dây dài hoặc dây ngắn. Theo chất liệu có thể chia thành dây lông bò Tây Tạng và dây da, hoặc dây ném đơn giản như dây giầy và dây nilong.

Dây ném mục đích sử dụng ban đầu không phải để lừa gia súc, mà làm vũ khí chiến đấu giữa các vùng với nhau. Thường được gọi là “trận chiến dây ném đá”. Trong Hiền giả hỉ yển có nhắc đến rằng: “thứ 6, (Tây Tạng) do quỹ kinh đào quản lý, ở vùng (do hẩn quản lý) xuất hiện vũ khí ném đá.” (Trong truyện Cách Tát Nhĩ Vương) cũng có ghi chép rằng: “Trong trận chiến, các dũng sĩ lợi dụng đá trên đất và gỗ làm thành vũ khí. Họ quan sát mộc thông, lĩnh ngộ được trí tuệ của dây kết; nhìn thấy bọn trẻ vui mừng đùa nghịch đá sỏi khắp nơi, bèn phát minh ra dây ném đá.”

Khi hòn đá được ném đi, sẽ phát ra tiếng “vù”, hòn đá được gọi là “đóa”, do đó trong tiếng Tạng dây ném đá được gọi là “ô nhĩ đóa”. Vì dây chính và dây phụ luôn phải đi một cặp, cho nên được gọi là “ô nhĩ cáp”.

Người dân du mục thường buộc dây ném đá vào sợi dây bên trong và bên ngoài của những chiếc lều màu đen để thể hiện sự kính trọng, họ không bao giờ để dây ở những chỗ bừa bãi để tránh dẫm lên dây. Khi bị lạc mất bò, người chăn bò sẽ dùng dây ném đá để bói quẻ đi tìm.

Tục ngữ về dây ném đá có câu: “Dùng dây ném đá màu xanh xám đan bằng lông sơn dương, lại làm gãy chân sơn dương màu nâu.” Trong ca dao có câu hát: “Dây ném đá đan tám treo ở thắt lưng, đá trong túi bụng, lừa hết đàn bò trăm con về chuồng.” Các câu đố về dây ném gồm: “Đầu mang vòng tròn, ở giữa khảm vòng trắng, đuôi giống như con rắn nước.” “Nuốt rồi lại nhả đá, quay trên đầu kêu tiếng ù ù, bay ra xa kêu tiếng ken két.” “Khi yên giấc trong tổ thì cuộn tròn như con rắn dử, khi rời tổ thì chao liệng như rồng bay. Đánh vào đá kêu như tiếng sét, tiếng rung vòm họng, tốc độ như tia chớp.” “Không được tạo ra bởi thợ rèn, nhưng có chân dài như cây súng, tai súng trắng như ốc biển. Đạn súng chẳng cần dây dẫn, tay vơ bừa đồ cũng có thể tự cháy.”

Dây ném đá ban sơ được dùng làm vũ khí để tự vệ, sau này trở thành công cụ để chăn gia súc. Ngày nay rất nhiều người sử dụng nó như một món trang sức. Tóm lại, dây ném đá không chỉ là vũ khí của người anh hùng, là trợ thủ của người chăn nuôi, là trang sức của người phụ nữ, mà còn là một đồ vật độc đáo mang tính lịch sử lâu đời được tạo ra bởi trí tuệ của tổ tiên.

SÁT LẶC





- | | | | | |
|---------------|--------------|--------------|-----------------|------------|
| ① Đầu sát lặc | ② Móc ghim | ③ Tua rua đỏ | ④ Thân sát lặc | ⑤ Dây treo |
| ⑥ Dây thắt | ⑦ Hoa văn ốc | ⑧ Hoa bạc | ⑨ Viên cầu vòng | ⑩ Viên |



Sát lặc, còn được gọi là “Tạp nê” (ཇམ་སྟེང་།), “Sát hĩ” (ཇམ་མི།) , là một loại trang sức đặc biệt của người nữ vùng chăn thả Lô Hoắc. Nó bao gồm đầu sát lặc, móc buộc, tua màu đỏ, thân sát lặc, dây đeo, dây thắt, cùng với vỏ ốc khảm cấu tạo thành.

Đầu của sát lặc có hình vuông, thân hình chữ nhật, thường được làm bằng nỉ hoặc len đen làm đế. Các mép được trang trí bằng các đường viền cầu vồng màu đỏ, vàng, xanh và được viền bằng vải đỏ để đẹp hơn.

Ban đầu, sát lặc chỉ có đầu, thân nhỏ và không trang trí. Với sự phát triển của nền kinh tế và mức sống được cải thiện, đồ trang trí của sát lặc trở nên phong phú hơn, chiều rộng của thân tăng lên và những đồ trang trí như vỏ sò bắt đầu được khảm. Những gia đình có điều kiện tài chính khá giả sẽ khảm hoa bạc ở giữa đầu bình hoặc dùng ngọc lam và các loại đá quý khác để trang trí. Phía dưới phần đầu của Sát Lặc sẽ được treo tua rua đỏ, được gọi là “sát bàn” (ཇམ་པན།) hoặc “tẩu nhi lặc” (ཇམ་པོ།) .

Có hai cách khảm vỏ sò lên sát lặc, một là xếp bốn mảnh vỏ sò thành một bông hoa như trong hình; hai là xếp vỏ sò thành các hàng đều đặn. Tùy theo điều kiện kinh tế của mỗi gia đình, một số gia đình có điều kiện kinh tế khá hơn sẽ

chọn vỏ sò làm vật trang trí, những gia đình có điều kiện kinh tế kém hơn sẽ chọn ngọc trai đuôi cá có giá thành thấp hơn. Trang trí vỏ sò quanh eo mang ý nghĩa tượng trưng cho việc theo đuổi hoặc thể hiện sự giàu có.

Khác với các phụ kiện thắt lưng khác, khi đeo sát lặc, đầu tiên là gài móc khoá phần đầu ở phía dưới thắt lưng bên trái, sau đó quấn sát lặc từ phía sau ra trước sao cho nó buông thõng phía bên dưới hông, cuối cùng gài nốt phần dây đai ở đầu còn lại lên phía dưới thắt lưng bên phải. Đeo sát lặc ở một mức độ nhất định nào đó có thể giữ cho tà áo dưới của trang phục Tạng không bị gió thổi bay, đồng thời có thể giữ nguyên nếp gấp của trang phục khi mặc. Ngoài ra, khi ngồi dưới đất, Sát Lặc còn có tác dụng như một tấm đệm ngăn không khí lạnh xâm nhập vào cơ thể. Ngày nay, người dân địa phương sẽ đeo sát lặc trong các buổi nghi lễ long trọng như lễ hội, đám cưới.

Theo những người lớn tuổi địa phương sát lặc, giống như nhiều phụ kiện khác, ban đầu được phát triển từ những công cụ thiết thực cho cuộc sống. Thời kỳ đầu, phụ nữ sẽ mang theo túi muối khi vắt sữa bò hoặc tiếp xúc với bò yak, vốn là nguyên mẫu của sát lặc. Ngoài ra, còn có một luận thuyết khác: Ngày xưa ở các vùng đồng cỏ có rất nhiều bò Tây Tạng hoang dã và chúng sẽ tấn công con người đang chăn thả. Vì vậy, các cô gái chăn cừu sẽ mặc sát lặc bôi muối. Khi bị những con bò yak hoang dã truy đuổi có thể lấy sát lặc ra cho bò niếm, từ đó có thời gian để chạy thoát. Cho nên, ở các khu chăn thả sẽ phát hiện ra vỏ ốc ở những nơi người dân từng sinh sống.

Sát lặc mà phụ nữ ở vùng mục vụ Lô Hoắc đeo cũng tương tự như túi muối mà nam giới ở vùng Công Bố đeo: phụ nữ ở vùng mục vụ Lô Hoắc chịu trách nhiệm vắt sữa nên họ đeo sát lặc trong khi nam giới ở vùng Công Bố chịu trách nhiệm; để vắt sữa nên họ đeo túi muối. Có thể thấy, sát lặc gắn liền với cuộc sống du mục như nghề vắt sữa.

Sát lặc có cấu trúc tinh xảo, dễ đeo, có chức năng thiết thực và độc đáo. Nó không chỉ có tác dụng làm đẹp hình ảnh, giữ lạnh, giữ ấm mà còn có thể trì hoãn sự tấn công của thú rừng. Đó là kết tinh trí tuệ của người Tây Tạng.



TRANG PHỤC MÚA CỔ CỦA NGƯỜI CHÂU OÁ



- | | | | | |
|---------------|---------------|----------------|------------------|-----------------|
| ① Đỉnh thông | ② Khuyên tai | ③ Vòng ngà voi | ④ Lục tủng | ⑤ Dây bạc |
| ⑥ Con cá vàng | ⑦ Hộp kim chỉ | ⑧ Hoa bạc | ⑨ Kẹp tóc san hô | ⑩ Giáp sức |
| ⑪ Trát tác | ⑫ La hỉ | ⑬ Dao sườn | ⑭ Trát quả | ⑮ Vòng ốc xà cừ |



1 Gia trát

2 Bia chỉ

3 Hộp gau

4 Dao đeo

5 Túi đeo

6 Quần kén màu

7 Ủng khắc lãg
hoạt khâm

Châu Oa, còn có tên gọi khác là Chu Hoắc Nhĩ, trước kia là tên gọi chung một dải đất từ khu vực Nhung Bá Sá thuộc miền Bắc khu Kham tới Đạo Phù, nay quy thuộc thị trấn Châu Oa miền Tây huyện Lô Hoắc tỉnh Tứ Xuyên.

Châu Oa nằm trong vùng khí hậu gió mùa cao nguyên, trước đây là khu vực bán nông nghiệp và bán chăn thả. Trong những ngày đầu, cư dân địa phương tham gia cả trồng trọt và chăn nuôi, ranh giới giữa nông dân và người chăn nuôi không rõ ràng. Về sau, căn cứ vào độ cao cư trú khác nhau trên sườn đồi, sự phân biệt giữa nông dân và người chăn nuôi dần dần lộ rõ. Vì vậy, Châu Oa kết hợp hai đặc điểm văn hóa trồng trọt và du mục, tạo thành một đơn vị địa lý và văn hóa độc đáo.

Trong lịch sử lâu đời từ xa xưa đã có họ Tái (རེ།), họ Mộc (མུ།), họ Đông (ཐོང།), họ Đồng (ཐོང།), họ Tra (རྩ།), và gia tộc Chúc ở khu vực Tây Tạng (འབྲུ།) Sáu gia tộc lớn, các thổ ty Châu Oa được cho là xuất thân từ dòng dõi “gia tộc Chúc”. Trang phục múa cổ Châu Oa từng là một điệu múa cung đình được biểu diễn cho các thủ lĩnh địa phương, nhưng giờ đây nó đã phát triển thành một điệu múa được biểu diễn tại các lễ hội hoặc nghi lễ lớn. Nó được đặc trưng bởi ca hát và nhảy múa trong các buổi biểu diễn, và trang phục khiêu vũ là trang phục tiêu biểu của địa phương.



Trang phục nữ giới

Khi múa các điệu múa cổ xưa, phụ nữ thường mặc áo choàng phở lổ màu đỏ với tay áo lót vải xanh, kết hợp với áo sơ mi dài tay màu trắng hoặc hồng và đi ủng Tây Tạng có đế da nhiều lớp ở chân. Ngoài ra còn có các phụ kiện như kẹp tóc san hô, trát tác, giáp sức, la hỉ, trát quả nhi, loa man, lạc tùng, hoàng kim ngư, và hộp đựng kim khâu.

Kiểu tóc của phụ nữ Châu Oa rất độc đáo và có thể được sử dụng để xác định xem một người phụ nữ đã kết hôn hay chưa. Phụ nữ chưa kết hôn sẽ tết tóc thành bím nhỏ, trong khi phụ nữ đã kết hôn sẽ tết tóc phẳng riêng biệt ở phía sau đầu, được gọi là “Thác loại phả” (ཐག་ལོ་ཤུག་), và buộc những bím tóc xinh xắn này vào cuối bím. Bím tóc được buộc thành chùm và người dân địa phương gọi phương pháp buộc này là “Trát Kiệt Gia” (ཐག་རྩེ་རྒྱུག་). Nếu không có phụ kiện tóc nào khác, sợi tơ đỏ sẽ được tết ở đuôi tóc để trang trí.

Trát tác sách kiên

Phụ kiện tóc trát tác và giáp sức của phụ nữ được làm từ hổ phách sáp ong, san hô, lục tùng thạch và các loại đá quý khác, được gọi chung là “trát tác sách kiên”. Người ta thường tin rằng một chiếc trát tác sang trọng cần ít nhất bảy cái hổ phách sáp ong. Nếu không có trát tác, sợi tơ đỏ sẽ được tết ở đuôi tóc để trang trí.

Giáp sức do khi đeo được đặt trên xương giáp nên được đặt tên là vậy. Thường có không dưới ba miếng hổ phách sáp ong trên sợi dây và chúng được buộc lại với nhau bằng tám bím tóc, mỗi bím ở mỗi bên vai trái và phần đuôi được buộc lại với nhau. đưa vào vành đai. Phần trên của cả vạt được trang bị những chiếc kẹp tóc bằng dây san hô mỏng hơn, thường là hai hoặc bốn dây. Khi hóa trang, bạn cũng sẽ đeo dây chuyền san hô và hoa tai vàng.



Đỉnh thông

Ban đầu, những viên ngọc quý trên mũ của nữ giới khu vực Châu Oa. Năm 1885, thổ lĩnh vùng Đức Các là ngài Sách Nam Ân Trát đem con gái của mình là Đức Cát La Thổ gả cho thủ lĩnh Kỳ Mỹ Ca Tang Cống Bồ. Khi cô kết hôn, cô và người hầu gái của mình ăn mặc theo phong tục Đức Các, đội những chiếc đỉnh thông tương đối lớn trên đầu, sau đó, người Châu Oa đã học theo, bắt đầu sử dụng vàng, bạc, san hô... để trang trí đỉnh thông, dần dần phát triển thành phong cách như ngày nay. Đeo đỉnh thông còn có ngụ ý là cúng dường mạn đà la lên ngọn núi thần Đông Khuếch.

Đỉnh thông rất chú trọng đến việc khảm đá quý và kim loại phù hợp. Đá quý thường dùng ngọc lam. Tương truyền, ngọc lam có nghĩa là dòng máu thuần khiết của dòng họ mẹ và là sự tiếp nối của huyết mạch thần thánh. Đồng thời, đeo ngọc lam quanh cổ còn được coi là biểu tượng của tình cảm nam nữ. Trước kia, người ta luôn đeo ngọc hồn và vàng hồn, không khi nào rời thân, ngay cả khi ngủ cũng không thể cởi ra. Nếu bỏ ra, người đó sẽ mất đi linh hồn và thần chiến tranh sẽ không còn phù hộ cho người đó nữa. Nếu mất hồn thì phải tổ chức lễ gọi hồn và cho ngọc lam vào sữa. Điều này cho thấy người dân địa phương rất coi trọng ngọc lam.

Theo tín ngưỡng truyền thống của Châu Oa, trang sức bằng vàng và ngọc lam tương thích với nhau. Đeo trang sức bằng vàng và ngọc lam cùng lúc có thể cải thiện vận may và cầu xin sự phù hộ của Thần hộ mệnh; trong khi trang sức bạc không tương thích với ngọc lam. Mọi người sẽ lựa chọn trang sức bằng vàng hoặc bạc để phối hợp với ngọc lam tùy theo điều kiện cá nhân. Vì vậy, đỉnh thông trên đầu phụ nữ là một trang sức độc đáo mang đậm nét văn hóa Tây Tạng và không thể đội một cách tùy tiện.

La hỉ

La hỉ là một kiểu trang trí thất lạng truyền thống dùng để cố định phần đuôi tóc, chiều rộng của nó tương đương với miệng hồ (khoảng 20 cm). Mặt trên được thiết kế có vòng được thiết kế chuyên dụng để treo loa man. Loại trang trí này được làm bằng len, trên đó có thêu các hoa văn cát tường, sọc dọc và sọc ngang đan xen màu sắc cầu vồng. Trong lịch sử, la hỉ được trang trí bằng san hô và ngọc lam. Người ta nói rằng la hỉ sản xuất tại Đông Khuếch (nay là một phần của Tứ

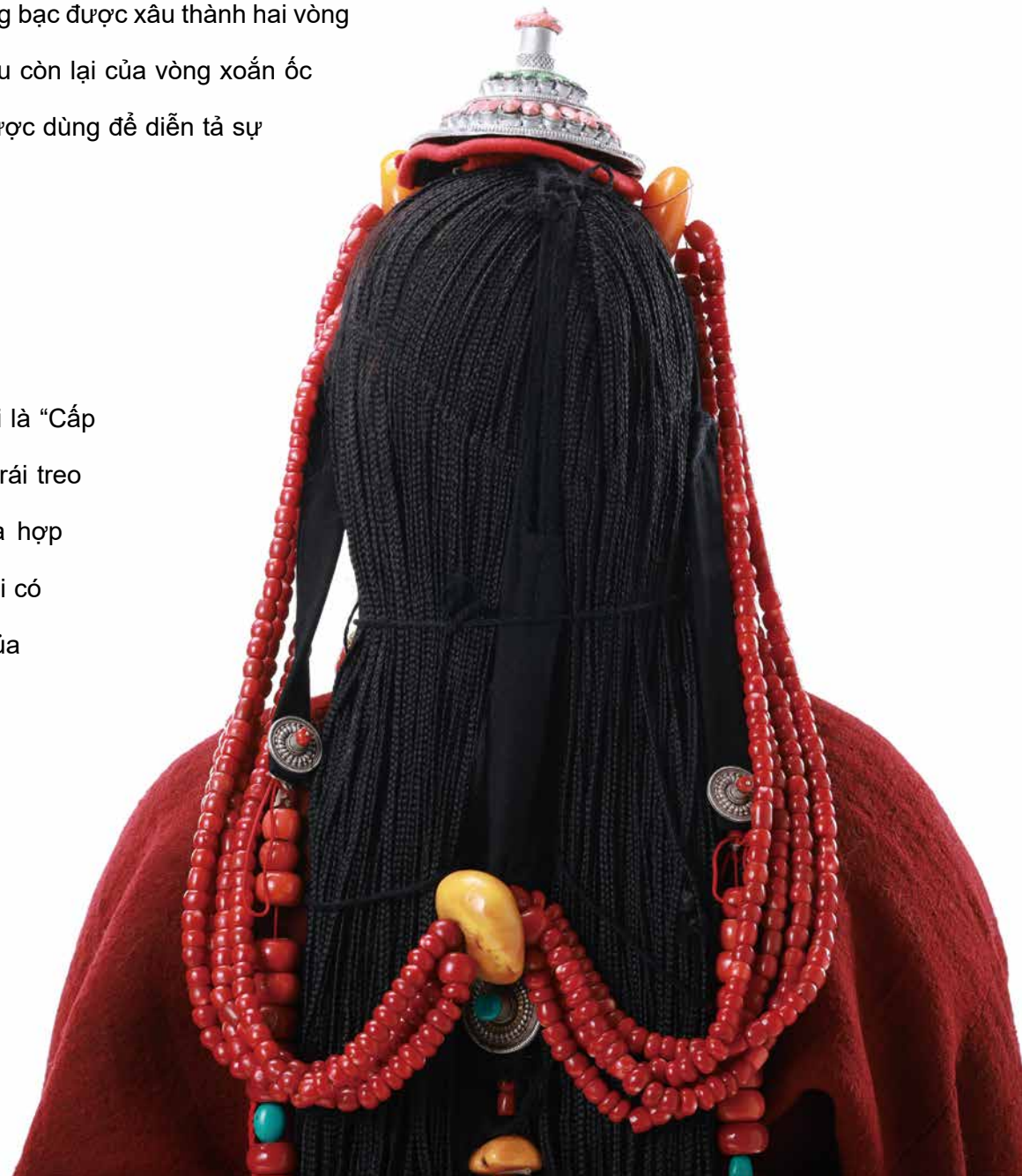
Thông Đạt Hương) nổi tiếng với chất lượng tuyệt vời. Ngoài ra, bên ngoài la hĩ sẽ được phủ một lớp gấm nhiều nếp gấp tương tự như một chiếc áo choàng, có thể dài hoặc ngắn nhưng hiện nay đã biến mất.

Vòng ốc

Vòng ốc, được khâu lại với nhau bằng hai cái bóng bạc khâu chuỗi lại với nhau. Loại bóng bạc này có tên là “Trát quả nhĩ”, tượng trưng cho hoa sen và thể hiện những lời chúc tốt đẹp nhất cho một gia đình thịnh vượng, sức khỏe tốt và trường thọ. Lúc đầu, chất liệu làm bóng bạc chủ yếu là bạc. Theo thời gian, người ta bắt đầu sử dụng vàng, hay bạc dát vàng. Đầu đuôi của bóng bạc được khâu thành hai vòng xoắn ốc trang trí bằng san hô và ngọc lam, đầu còn lại của vòng xoắn ốc được buộc vào thắt lưng. Những con ốc dài được dùng để diễn tả sự ưu việt và thịnh vượng của gia đình.

Lạc tùng

Lạc tùng, còn được người dân địa phương gọi là “Cáp long” (ཆེན་ལྷ་ཁྱུང་།). Ở đầu dưới của lạc tùng, bên trái treo một vòng kim ngư, tượng trưng cho sự hòa hợp giữa vợ chồng và cuộc sống êm đềm; bên phải có hộp may vá, là vì may vá là công việc chính của phụ nữ ở địa phương, sau này từ công cụ cuộc sống trở thành một loại trang sức. Ngoài ra, chuông được trang trí bên dưới cá vàng và hộp may, chuông tạo ra tiếng trong trẻo vui tai khi nhảy múa.



Ngoài trang phục múa cổ xưa, phụ nữ ở vùng Châu Oa còn mặc quần áo màu tím, xanh và đỏ trong cuộc sống hàng ngày. Màu đỏ tượng trưng cho phụ nữ. Người phụ nữ khi lấy chồng sẽ mặc chiếc váy gấm màu xanh, màu trời xanh đẹp như chim đỗ quyên.

Bang diển, khởi nguồn của nó dùng để bảo hộ quần áo không bị bẩn trong lúc lao động, đồng thời cũng có thể được sử dụng để đựng đồ vật hoặc trẻ em, nhưng giờ đây nó đã phát triển thành một loại đồ trang sức.

Về phần chân, họ đi ủng da, ủng nỉ, ủng cách tấc. “Cách tấc” (ཁྱེ་རྩི) là quần áo cũ được lính Ấn Độ mặc trước đây, sau này được bán tới vùng đất Châu Oa, chất lượng rất tốt và bền bỉ. Cuộc sống ngày càng phát triển, quần áo phổ lỗ và gấm hoa lộng lẫy dần dần xuất hiện, trang phục của con người ngày càng đa dạng hơn.

Trang phục nam giới

Các học giả nghiên cứu trang phục Tây Tạng chỉ ra rằng nếu muốn nghiên cứu trang phục Tây Tạng ở một nơi nào đó, bạn cần bắt đầu từ trang phục của các vị thần địa phương. Những chi tiết trang phục này được ghi lại chi tiết trong nghi quỹ ổi tang ở địa phương. Vì vậy, trang phục của đàn ông Châu Oa và phong cách trang phục của các vũ công dẫn đầu có liên quan mật thiết đến trang phục truyền thống đóng vai các vị thần thổ địa “Trác La”.

Trác La, trở thành một lệ quỷ hoặc thần chiến tranh vào khoảng năm 270-300 sau Công nguyên, sau đó bị giáng phục, chuyển hóa thành vị thần hộ pháp của địa phương. Theo ghi chép trong nghi quỹ: “Đầu của thần đội mũ giang đạt, mặc áo lụa tơ tằm, quần tơ tằm nhiều màu sắc và ủng Tây Tạng.” Người đàn ông chỉ huy điệu múa cổ xưa Châu Oa và người đàn ông cầm súng khi Châu Oa thực hiện các hoạt động trừ tà, Trang phục của họ gần giống với mô tả về Trác La trong nghi quỹ. Cho đến ngày nay, trong những ngày lễ lớn, nam giới Châu Oa vẫn mặc trang phục truyền thống này.

Mũ giang đạt

Ngày xưa khi trời lạnh người ta thường quấn long cừu quanh đầu để giữ ấm. Với sự tích lũy kinh nghiệm và sự phát triển của kĩ thuật, người ta bắt đầu làm mũ len và trang trí bằng tua đỏ. Dần dần phát triển thành mũ sóng và mũ trắng sang trọng, cuối cùng hình thành nên mũ giang đạt.

Các thủ lĩnh và quan chức sẽ sử dụng màu xanh đồng và các đồ trang trí khác trên đỉnh mũ của họ, trong khi các vũ công dẫn múa sẽ sử dụng đồ trang trí thông thường trên đỉnh mũ. Ngoại trừ sáu vũ công chỉ định ra, người bình thường không được phép đội mũ giang đạt mà phải đội “gia trát”. Chiếc mũ giang đạt đã trở thành biểu tượng của bản sắc và địa vị. Không phải ai cũng có thể đội nó, và cấp độ được phân chia theo trang trí trên đỉnh mũ.

Đàn ông Châu Oa bắt đầu mặc gia trát từ rất sớm. Trong tiếng Tây Tạng, từ “gia” (ཁྱུ) trong “gia trát” (ཁྱུ་རྩ་) có nghĩa là quấn vào một mạng lưới và “trát” (རྩ་) có nghĩa là tóc. Trước đây, người ta có mái tóc dài và bông bênh. Khi đội nó, đầu tiên họ sẽ tết long bò yak ở ngọn tóc, sau đó quấn chặt quanh đầu. Nó không chỉ có tác dụng giữ ấm mà còn có thể chống lại dao kiếm, công năng như một chiếc mũ giáp.

Gia trát chất lượng cao nhất được làm bằng lông yak hoang dã. Trong những ngày đầu, nó được trang trí bằng đồ trang trí bằng xương hoặc ngón tay hình vít, và sau đó nó được trang trí bằng những dải vải đầy màu sắc. Theo truyền thuyết, gia trát bắt đầu xuất hiện vào thời kỳ “thương thần⁵” Lã Bố Tang Ba. Bên trong có những sợi dây sắt không dễ bị cắt bằng dao. Gia trát còn được trang trí

⁵ Thương thần: Thần kinh doanh buôn bán.



bằng những dải vải nhiều màu sắc, tượng trưng cho kêu gọi năm loài ngựa gió, và năm vị thần hộ mệnh, mang lại may mắn. Ngày nay, gang đạt được trang trí bằng san hô, bong bóng bạc và các đồ trang sức khác và được đeo trong các lễ hội hoặc nghi lễ lớn.

Áo choàng phổ lỗ

Áo choàng phổ lỗ của đàn ông Châu Oa mặc thường được làm rộng hơn, tượng trưng cho có phúc báo. Tay áo giống như đôi cánh của một con kền kền khi nó kiếm ăn. Khi khoác lên mình chiếc áo choàng phổ lỗ phải có nếp gấp ở phía sau. Theo truyền thuyết, thường có từ 35 đến 65 nếp gấp. Nếu có ít hơn ba mươi lăm nếp gấp sẽ bị coi là thiếu phước và trang phục không đạt chất lượng cao.

Áo kén và quần kén nhiều màu sắc

“A đừc” (ཨ་རུ་རྩུ་) trong tiếng Tây Tạng có nghĩa là lụa kén. Nó là một loại vải được làm từ cặn còn sót lại từ kén tằm khi làm lụa. Kết cấu tương đối thô. Loại vải này dùng để may áo kén, quần kén sọc nhiều màu sắc. So với những nơi khác ở khu vực Tây Tạng, chiếc quần kén sặc sỡ ở khu vực Châu Oa có phần độc đáo. Quần kén màu cần phải cắt rộng, sau đó khâu lụa kén màu tím và trắng lại với nhau từng dải. Có nhiều tua rua rời ở ống quần để trang trí. Cách mặc quần kén nhiều màu khác với các loại quần khác, bạn cần gấp phần ống quần rộng từ trong ra ngoài đến bắp chân. Quần cỡ thường có năm đến sáu nếp gấp ở ống quần, trong khi quần cỡ lớn hơn có bảy đến tám nếp gấp. Nếu không có nếp gấp ở viền áo sẽ ảnh hưởng đến tốc độ đi bộ của bạn. Sau khi gấp lại, bạn cần buộc nó trước bắp chân bằng dây bốt. Gia trát và quần kén đầy màu sắc tượng trưng cho mũ bảo hiểm và áo giáp.

Ủng Khắc lãg hoạt khâm

Ủng Khắc lãg hoạt khâm, là một loại ủng thời thượng và dùng để thực hiện các điệu múa của của nam giới Châu Oa. Đế ủng do nhiều lớp da tạo thành, đồng thời có rất nhiều đinh, khi đi sẽ phát ra tiếng leng keng. Chế tác ủng chủ yếu từ

vật liệu khắc lăng (ཁུ་ལི་རུ།) , bởi vậy mới có tên giày khắc lăng hoạt khâm. Khi đi ủng, đôi khi được buộc bằng dây ủng Bang quả mã (མཐོང་ཁྱོ་མཐོང་།)

Dao đeo sườn

Dao đeo sườn của nam giới Châu Oa và các vùng khác tương tự nhau. Trên dao thường được chạm khắc đá quý và điều khắc tinh xảo. Loại dao này dùng để phòng vệ thổ phỉ và kẻ địch, nó cũng là một loại dụng cụ trong cuộc sống. Điều kiện cuộc sống ngày càng được cải thiện, dao đeo cũng dần trở thành một trang sức xa xỉ.

Túi

Đàn ông Châu Oa cũng đeo một chiếc túi quanh eo. Trước đây, người ta thường bỏ một ít tiền và những vật dụng nhỏ khác vào những chiếc túi da nhỏ và treo chúng quanh eo làm ví. Với sự cải thiện mức sống, những chiếc túi da nhỏ dần phát triển thành những chiếc túi được trang trí bằng đá quý, san hô, bạc và các đồ trang trí khác. Chiếc túi cũng đã được biến từ một công cụ thiết thực thành một vật trang trí. Vì đàn ông thường xuyên ra ngoài kiếm sống nên hầu hết những đồ trang trí này đều do nam giới đeo, trong khi phụ nữ Châu Oa thường không đeo.

Ngoài trang phục múa cổ truyền ra, trang phục truyền thống hàng ngày của đàn ông Châu Oa bao gồm áo choàng trắng nâu và quần áo màu tím hồng.

Lời bài hát của điệu múa cổ đề cập đến việc “thủ lĩnh người Châu Oa đến với công chúng trong chiếc áo choàng màu trắng nâu”, điều này thể hiện một cách sinh động địa vị quan trọng của chiếc áo choàng trắng nâu trong xã hội Châu Oa. Theo truyền thuyết, chiếc áo choàng màu trắng nâu tượng trưng cho dòng máu thuần khiết và nguồn gốc từ các vị thần của người mặc, đồng thời là biểu tượng cho địa vị cao quý của người đó. Nguyên liệu thô của chiếc áo choàng trắng nâu có nguồn gốc từ len cừu. Ban đầu, người ta sử dụng len để chống lạnh và giữ ấm. Theo thời gian, công nghệ dệt và n



tiếp tục được cải tiến, người ta dần dần học cách may và mặc áo choàng trắng nâu. Nói chung, đàn ông sẽ mặc áo choàng màu trắng nâu, còn phụ nữ thì không.

Quần áo màu tím hồng được cho là có khả năng triệu hồi thần hộ pháp của chính mình nên không được dẫm lên và phải đặt ở nơi sạch sẽ. Mặc trang phục như vậy khi ra ngoài thì mọi việc sẽ diễn ra suôn sẻ và bạn có thể dễ dàng giáng phục những kẻ thù mà mình gặp phải.

Về phụ kiện, đàn ông Châu Oa sẽ đeo dao thắt lưng như dao Hoa Đan (དཔལ་དཔལ།), dao Hoắc Nhĩ của vùng Đông Khuếch (ལོ་རྒྱུ་) và dao sườn. Vì đàn ông thường ở trên núi để săn bắn và càn đốt lửa nên họ cũng đeo liềm lửa ở thắt lưng. Trên chân họ sẽ đi boots Khắc Lãng Hoạt Khâm, boots da, boots Tây Tạng, boots cầu vòng. Điều đáng nói là boots cầu vòng chỉ dành riêng cho các vua chúa quan chức có địa vị rất cao.

གོང་གསལ་ལྟར་པར་ནང་གི་བཤམ་རྫས་སྟེ། བྲག་མགོ་ཉི་དར་བོད་ཀྱི་གོས་རྒྱན་
རིག་གནས་བཤམས་སྟོན་ཁང་དུ་བསྟུ་ཆགས་བྱས་ཡོད་པ་ལོ།

上述图片中的展品，均来自炉霍德达藏服饰文化博物馆的收藏。

All the exhibits in the above pictures are from the
collection of Drango Deda Tibetan Costumes Museum.



khenposodargye.org



ཡི་གེ་ནི་ཤུ་རྩ་དྲུག་ལ་འདི་དཔེ་ཆ་དེ་ནང་དུ་བཞག་ན་དཔེ་ཆ་དེ་ཅི་འདྲར་
བཞག་མཁས་ཀྱང་ཉེས་པ་སེམས་འདྲུང་བར་འཇམ་དཔལ་རྩ་རྒྱུད་ལས་གསུངས་སོ།།

For Non-Commercial Use Only